

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
THÁNG BA VÀ QUÝ I NĂM 2023

Đà Nẵng, tháng 3 năm 2023

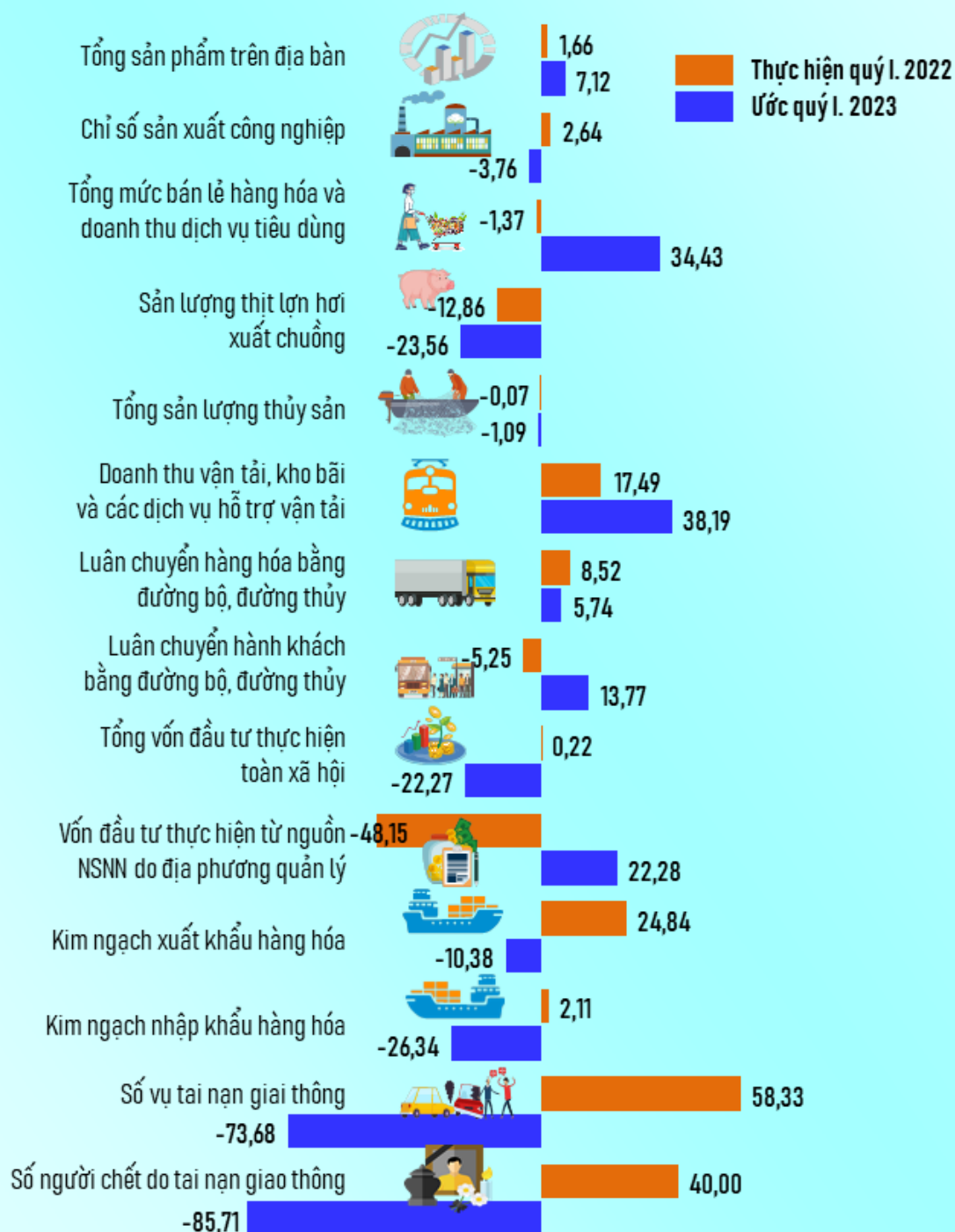


KINH TẾ - XÃ HỘI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

QUÝ I NĂM 2023

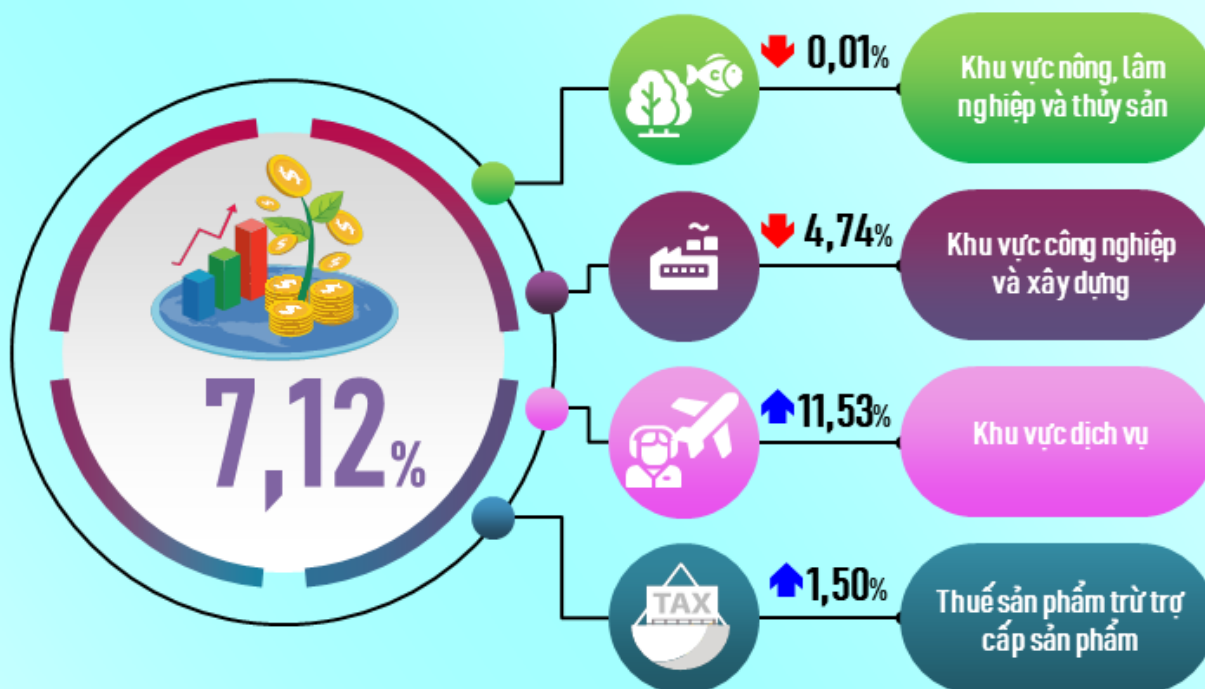


TỐC ĐỘ TĂNG, GIẢM MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU QUÝ I NĂM 2022 - 2023
(So với cùng kỳ năm trước - ĐVT: %)



TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN (GRDP)

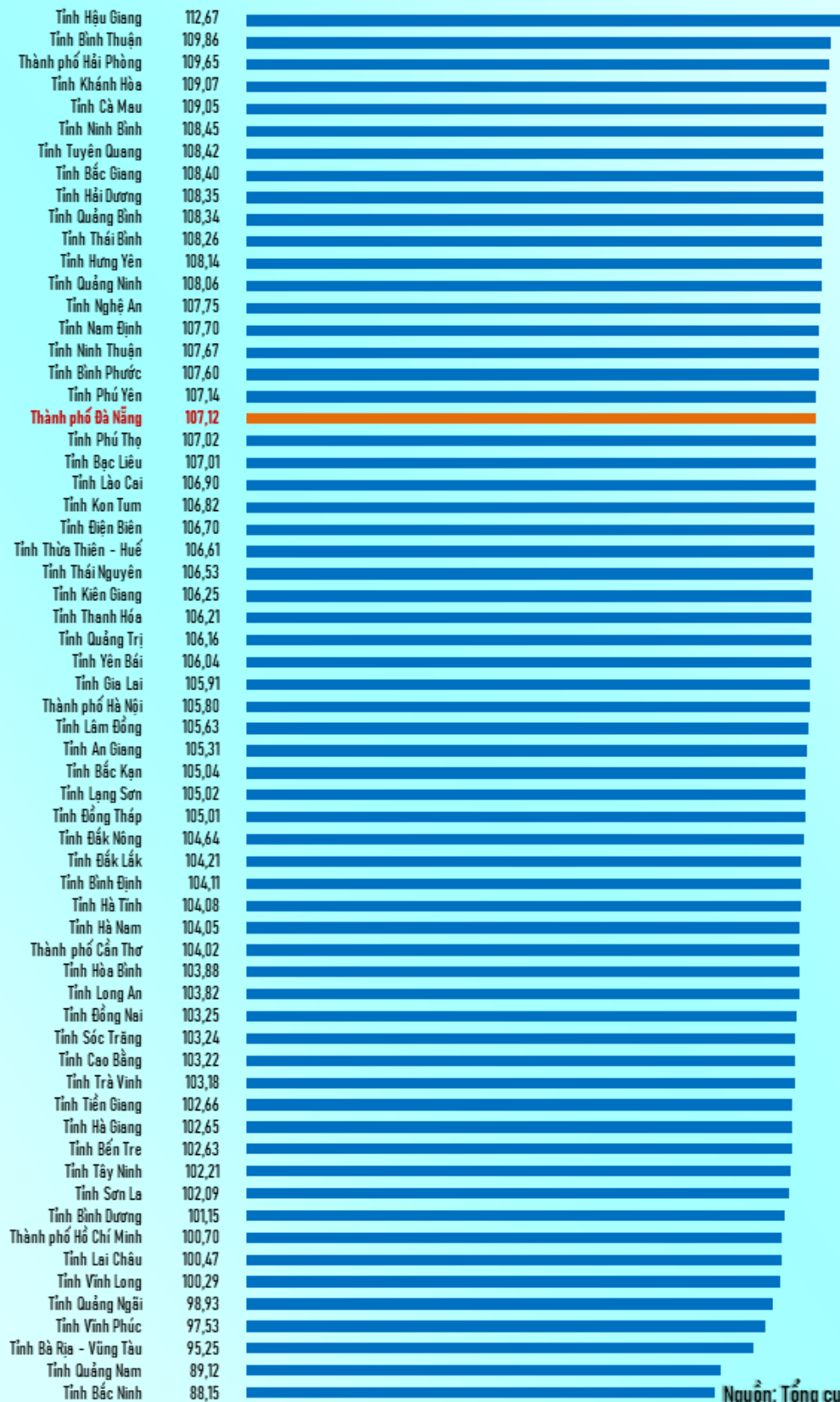
TỐC ĐỘ TĂNG GRDP QUÝ I NĂM 2023
(So với cùng kỳ năm 2022)



QUY MÔ VÀ CƠ CẤU GRDP QUÝ I NĂM 2022
(Giá hiện hành)



TỐC ĐỘ PHÁT TRIỂN GRDP CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG
QUÝ I NĂM 2023 (So với cùng kỳ năm 2022 – ĐVT: %)



Nguồn: Tổng cục Thống kê

SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

CHỈ SỐ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP QUÝ I NĂM 2023
(So với cùng kỳ năm 2022 - ĐVT: %)



96,75

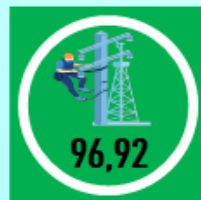
Toàn ngành công nghiệp



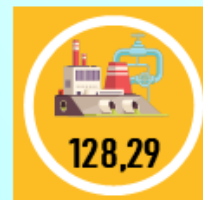
Công nghiệp khai khoáng



Công nghiệp chế biến, chế tạo



Sản xuất và phân phối điện



Sản xuất nước, xử lý rác thải, nước thải

TỐC ĐỘ TĂNG MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP QUÝ I NĂM 2023
(So với cùng kỳ năm 2022)

Nước ngọt đóng chai



↑ 46,8%

Tôm đông lạnh



↑ 44,0%

Phụ tùng có máy tính



↑ 12,5%

Thiết bị câu cá



↓ 24,2%

Bê tông trộn sẵn



↓ 21,5%

Gạch khối xây dựng



↓ 35,1%

CHỈ SỐ NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO QUÝ I NĂM 2023
(So với cùng kỳ năm 2022 - ĐVT: %)

Chỉ số sản xuất



Chỉ số tiêu thụ



96,27



Chỉ số sử dụng lao động



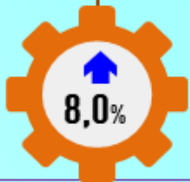
Chỉ số tồn kho thời điểm 31/3/2023

THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ

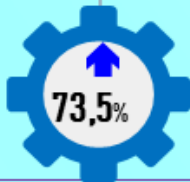
TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG QUÝ I NĂM 2023
(So với cùng kỳ năm 2022)

TỔNG SỐ 29.502 tỷ đồng  34,4%

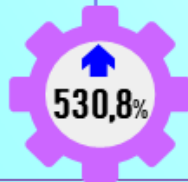
Bán lẻ hàng hóa



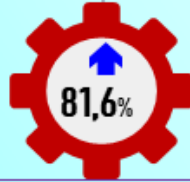
Dịch vụ Lưu trú và ăn uống



Lữ hành & dịch vụ hỗ trợ du lịch



Dịch vụ tiêu dùng khác



XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA QUÝ I NĂM 2023
(So với cùng kỳ năm 2022)

Tổng kim ngạch hai chiều



661,4 triệu USD
 16,8%

Xuất khẩu hàng hóa



427,3 triệu USD
 10,4%

Xuất siêu



193,2 triệu USD

Nhập khẩu hàng hóa



234,1 triệu USD
 26,3%

KHÁCH DU LỊCH DO CƠ SỞ LƯU TRÚ VÀ CƠ SỞ LỮ HÀNH PHỤC VỤ QUÝ I NĂM 2023
(So với cùng kỳ năm 2022)

365,5%  1.424,4 nghìn lượt



Cơ sở lưu trú phục vụ



Cơ sở lữ hành phục vụ



207,7 nghìn lượt  2.525,2%

VẬN TẢI VÀ BƯU CHÍNH

DOANH THU VẬN TẢI, KHO BÃI; DỊCH VỤ BƯU CHÍNH VÀ CHUYỂN QUÝ I NĂM 2023
(So với cùng kỳ năm 2022)

TỔNG SỐ

7.933
tỷ đồng

↑ 38,2%



Vận tải
thủy nội địa
và viên dương

↑ 0,67%

Vận tải
đường bộ và
đường sắt



Vận tải
đường
hàng không

↑ 90,0%

Kho bãi
và dịch vụ
hỗ trợ vận tải

↑ 28,3%



Dịch vụ
Bưu chính và
chuyển phát

↑ 8,2%

VẬN CHUYỂN VÀ LUÂN CHUYỂN BẰNG ĐƯỜNG BỘ, ĐƯỜNG THỦY QUÝ I NĂM 2023
(So với cùng kỳ năm 2022)

Vận tải hành khách

6.329 nghìn lượt
hành khách vận chuyển

↑ 21,1%



182 triệu lượt HK.km **↑ 13,8%**

Vận tải hàng hóa

9.570 nghìn tấn
hàng hóa vận chuyển

↓ 3,4%



1.043 triệu Tấn.km **↑ 5,7%**

SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

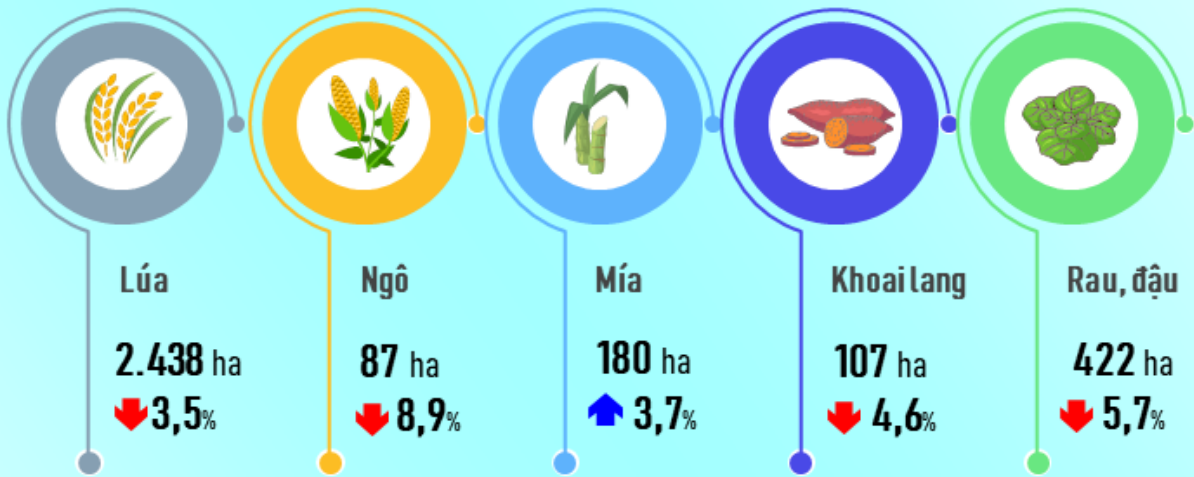
TRỒNG TRỌT TÍNH ĐẾN NGÀY 15/3/2023
(So với cùng kỳ năm 2022)



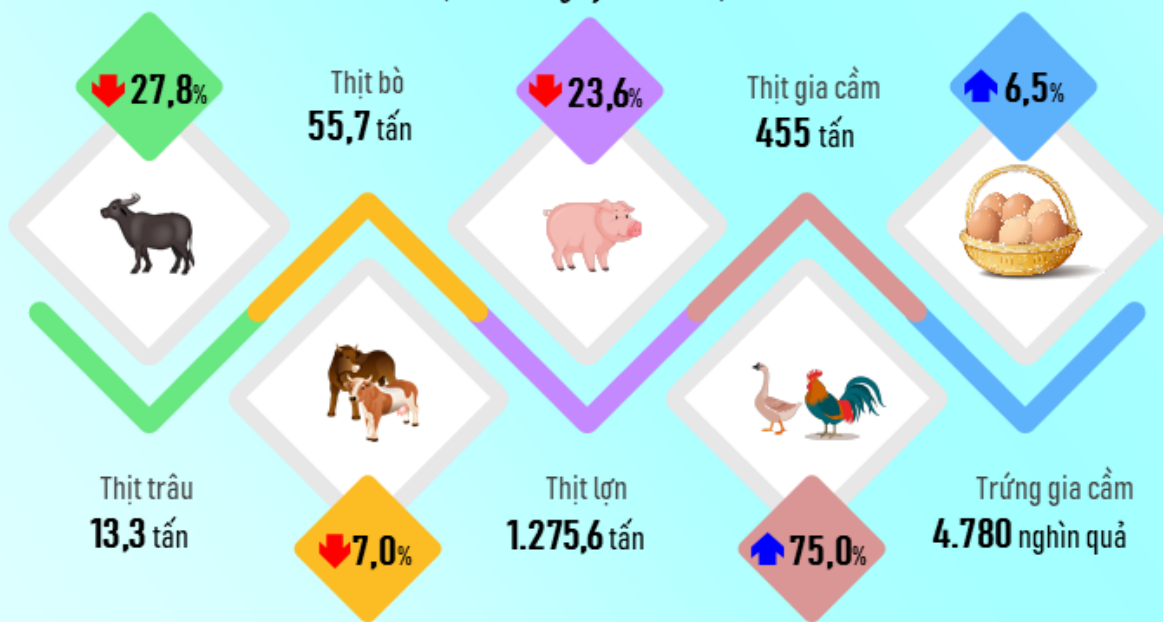
Tổng diện tích gieo trồng cây hằng năm (ha)

3.527 ha ↓ **4,1%**

Diện tích gieo trồng một số loại cây



SẢN PHẨM CHĂN NUÔI QUÝ I NĂM 2023
(So với cùng kỳ năm 2022)

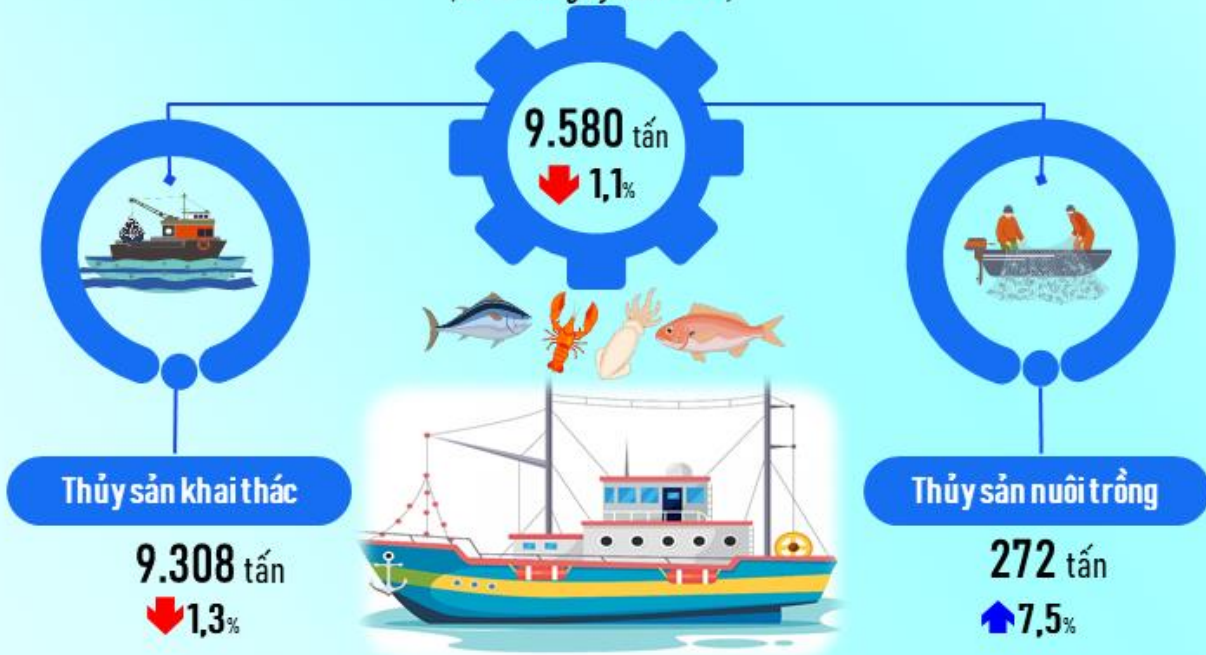


LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP QUÝ I NĂM 2023
(So với cùng kỳ năm 2022)



LĨNH VỰC THỦY SẢN QUÝ I NĂM 2023
(So với cùng kỳ năm 2022)



ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN

VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN TOÀN XÃ HỘI QUÝ I NĂM 2023 (So với cùng kỳ năm 2022)

Tổng vốn đầu tư
thực hiện toàn xã hội



6.018 tỷ đồng
↓ **22,3%**

Khu vực
Nhà nước



1.484
tỷ đồng

↑ **1,8%**

Khu vực ngoài
Nhà nước



3.977
tỷ đồng

↓ **20,1%**

Khu vực có vốn đầu
tư nước ngoài



556
tỷ đồng

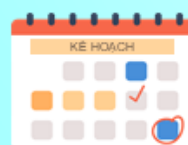
↓ **57,5%**

VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN TỪ NGUỒN NSNN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ QUÝ I NĂM 2023 (So với cùng kỳ năm 2022)



Tổng vốn NSNN
địa phương thực hiện

860 tỷ đồng



15,2%
So với kế hoạch
năm 2023



↑ **22,3%**
So với cùng kỳ
năm 2022

THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO ĐÀ NẴNG QUÝ I NĂM 2023

Dự án cấp mới



↑ **460,0%**

28

Dự án điều chỉnh vốn



↑ **500,0%**

06

Lượt góp vốn mua
cổ phần



↑ **28,6%**

09

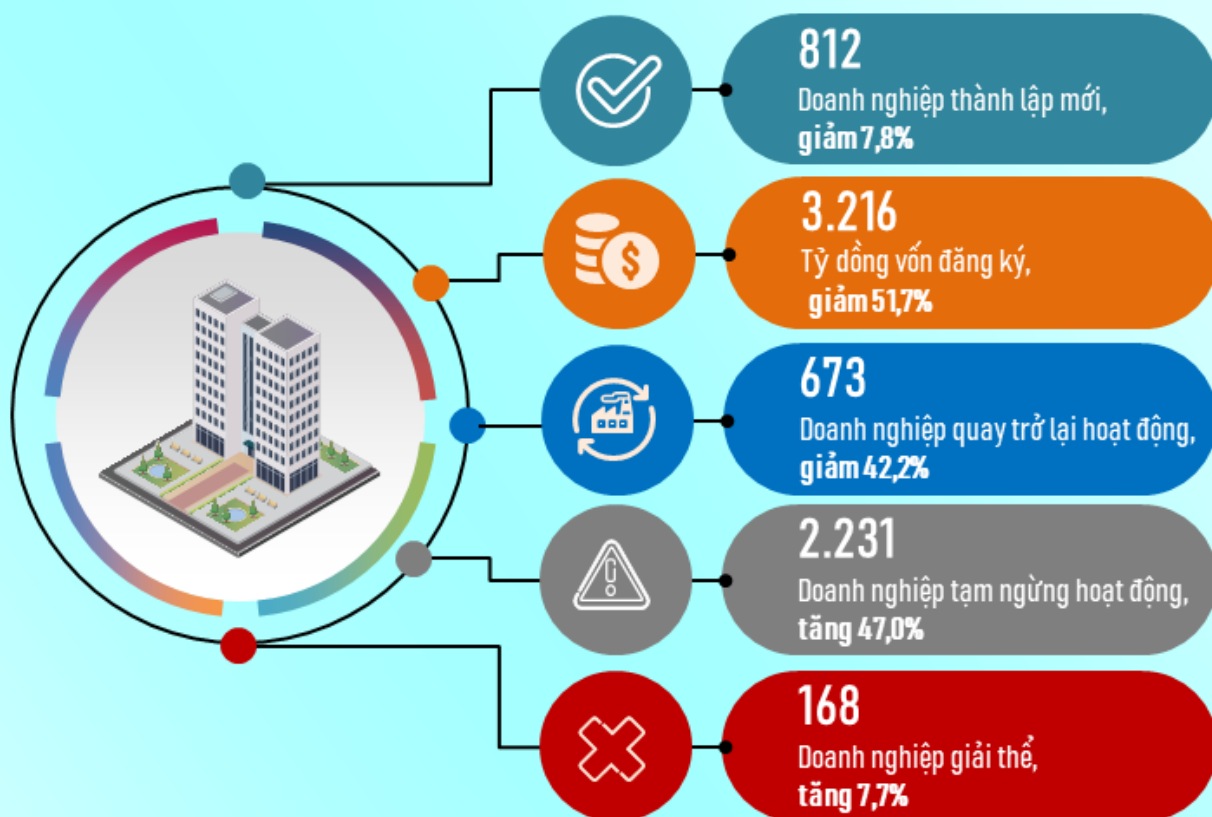
Triệu USD vốn đăng
ký mới và tăng thêm

↑ **14,0%**

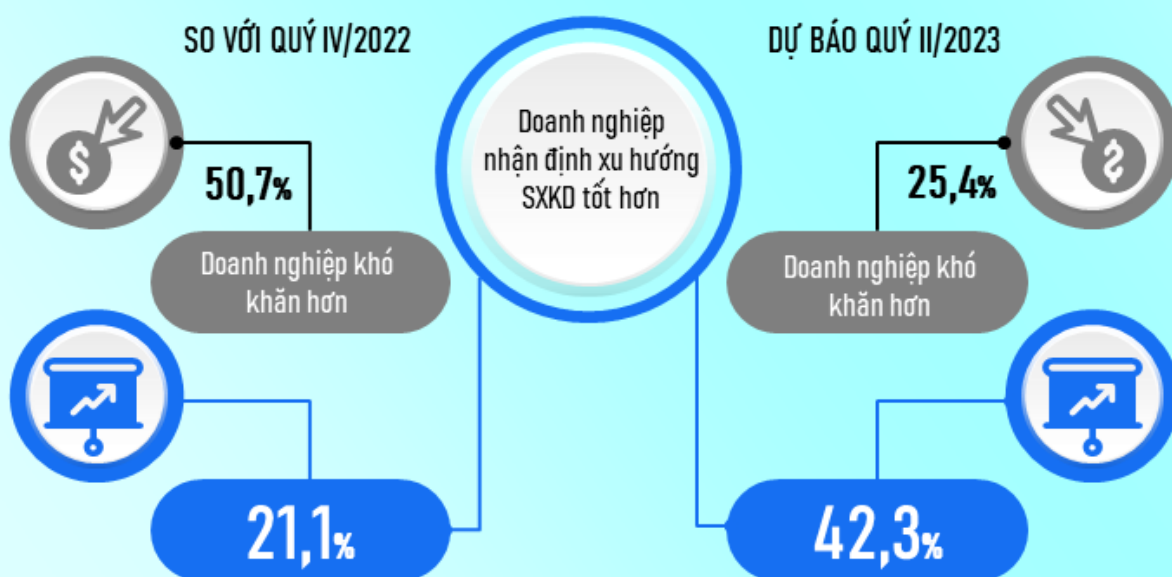
7,9

HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP QUÝ I NĂM 2023
(Tính đến 15/3/2023 - So với cùng kỳ năm 2022)

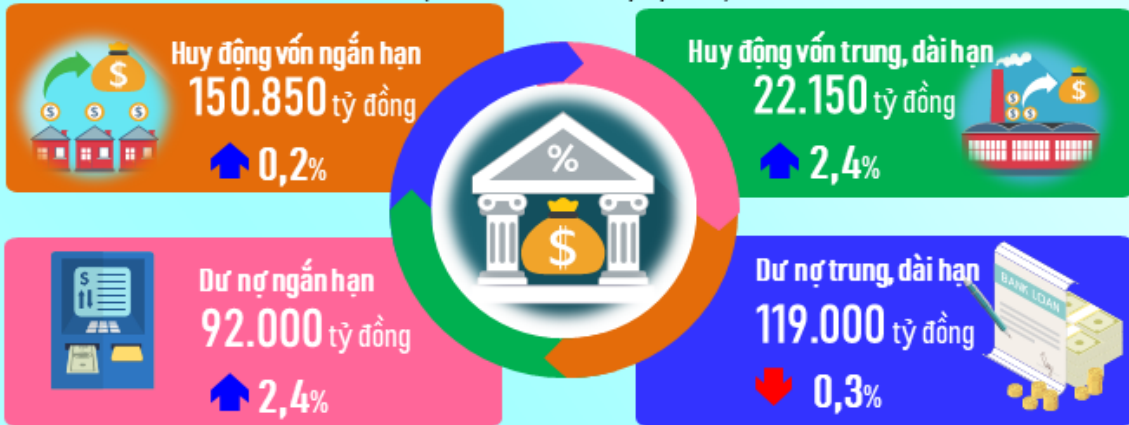


KẾT QUẢ ĐIỀU TRA XU HƯỚNG SXKD CỦA DOANH NGHIỆP CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO QUÝ I NĂM 2023

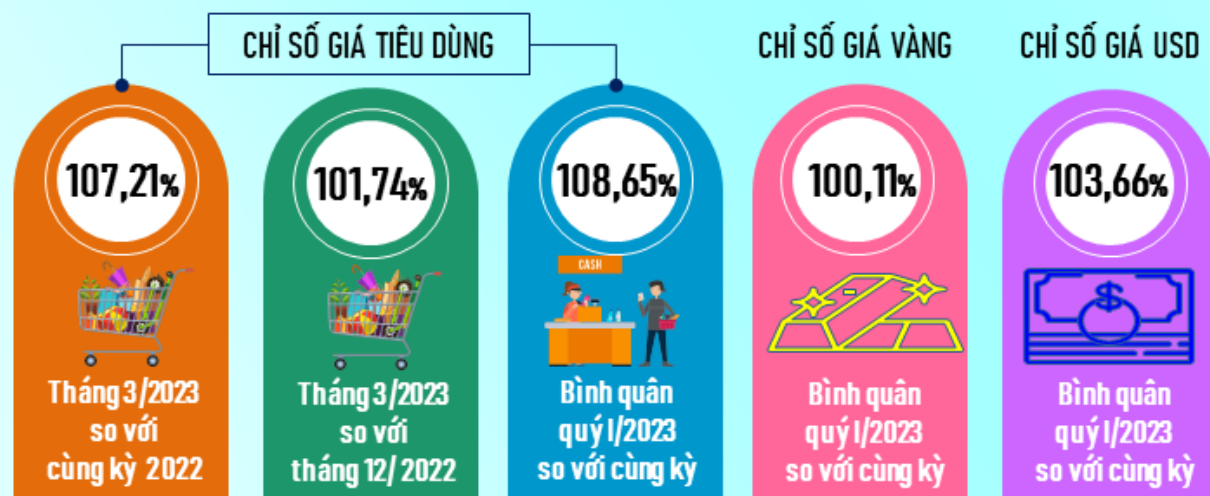
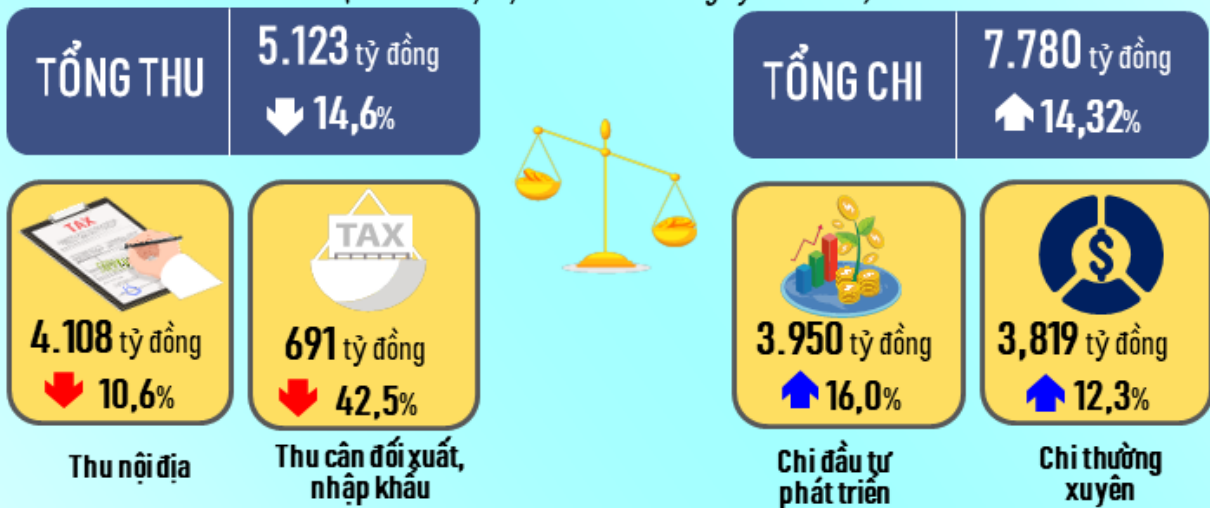


TÀI CHÍNH, NGÂN SÁCH VÀ GIÁ CẢ

HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG THỜI ĐIỂM CUỐI QUÝ I NĂM 2023
(So với thời điểm 31/12/2022)



THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN QUÝ I NĂM 2023
(Tính đến 20/03/2023 - So với cùng kỳ năm 2022)



LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM

LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN QUÝ I NĂM 2023
(So với cùng kỳ năm 2022)

Nam



332 nghìn người
▲ 2,58%



638,4 nghìn người
▲ 2,72%

Nữ



306,4 nghìn người
▲ 2,88%

LAO ĐỘNG TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN ĐANG LÀM VIỆC QUÝ I NĂM 2023
(So với cùng kỳ năm 2022)

Thành thị



547,8 nghìn người
▲ 7,68%



626,8 nghìn người
▲ 5,56%

Nông thôn



78,9 nghìn người
▼ 7,08%

THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA LAO ĐỘNG LÀM CÔNG HƯỞNG LƯƠNG QUÝ I NĂM 2023
(So với cùng kỳ năm 2022)

Thành thị



8.422
nghìn đồng/người/tháng
▲ 18,95%



8,224
nghìn đồng/người/tháng
▲ 16,90%

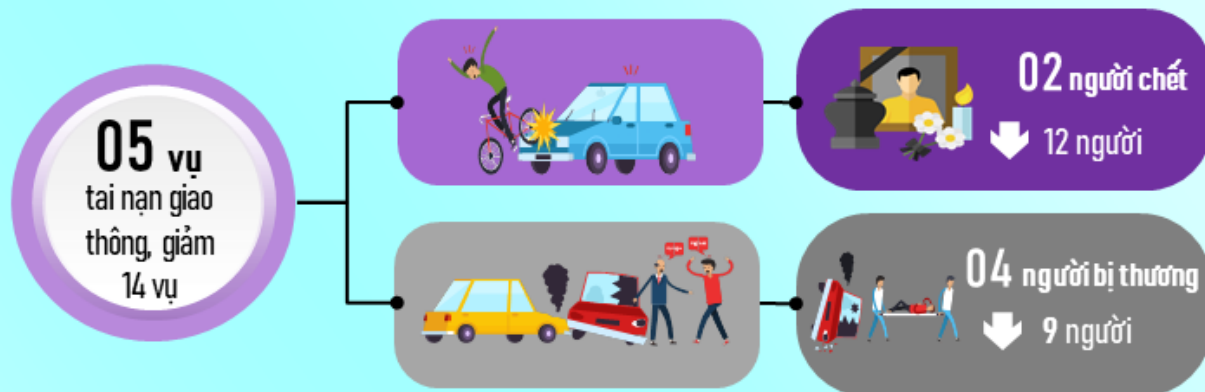
Nông thôn



6.937
nghìn đồng/người/tháng
▲ 2,57%

TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI

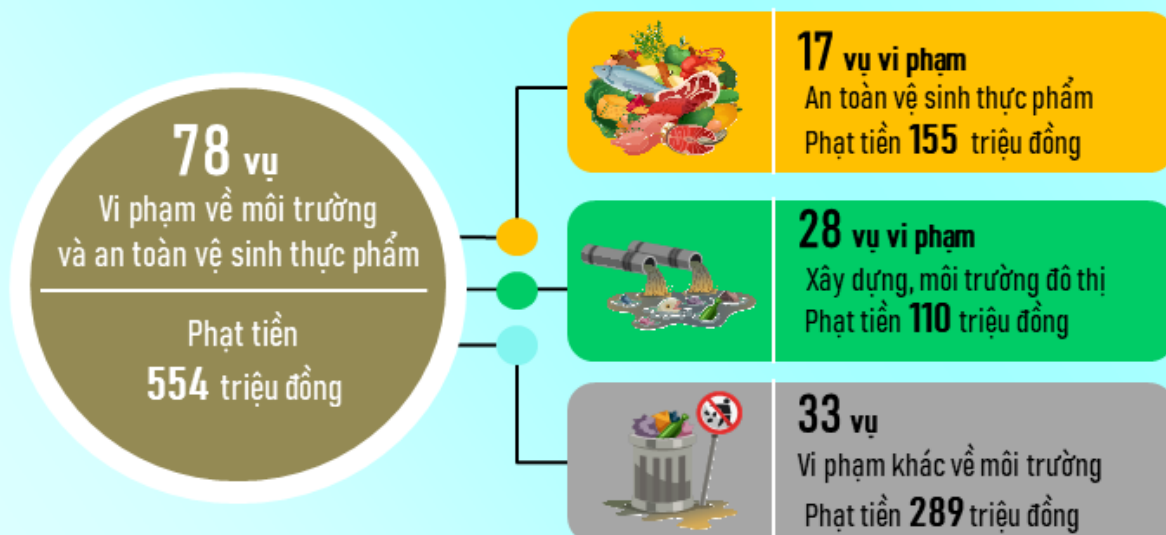
TAI NẠN GIAO THÔNG QUÝ I NĂM 2023
(Từ ngày 15/12/2022 đến 14/3/2023 - So với cùng kỳ năm 2022)



TÌNH HÌNH CHÁY, NỔ QUÝ I NĂM 2023
(Từ ngày 15/12/2022 đến 14/3/2023 - So với cùng kỳ năm 2022)



LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM QUÝ I NĂM 2023



CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Tel: 0236.3827680 - Website: cucthongke.danang.gov.vn - Email: tonghopdna@gso.gov.vn

Số: 182 /BC-CTK

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO
Tình hình kinh tế - xã hội tháng Ba và quý I năm 2023

Kinh tế - xã hội quý I năm 2023 diễn ra trong bối cảnh suy thoái kinh tế trên diện rộng ở các nước phát triển và đang phát triển. Mặc dù việc dỡ bỏ các hạn chế liên quan đến Covid-19 ở hầu hết các quốc gia trong năm 2022 đã hỗ trợ phục hồi nhu cầu nội địa, nhưng lạm phát gia tăng đã làm giảm chi tiêu của hộ gia đình và doanh nghiệp. Tăng trưởng thương mại chậm lại trong bối cảnh chuỗi cung ứng tiếp tục suy yếu, nhu cầu đối với hàng tiêu dùng giảm. Triển vọng kinh tế năm 2023 vẫn không chắc chắn khi bị ảnh hưởng bởi tốc độ và trình tự thắt chặt chính sách tiền tệ, diễn biến của cuộc xung đột tại U-crai-na và những căng thẳng địa chính trị khác đe dọa gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu...¹

Ở trong nước, nền kinh tế đang đứng trước những cơ hội và thách thức đan xen: kinh tế thế giới đang trên đà phục hồi sau đại dịch, dòng đầu tư nước ngoài (FDI) phục hồi nhanh; các FTA phát huy tác dụng; thay đổi cách tiếp cận trong kiểm soát dịch bệnh Covid-19, nhiều doanh nghiệp đã kết nối chuỗi giá trị, ứng dụng mạnh mẽ kinh tế số... Bên cạnh những thuận lợi, kinh tế nước ta cũng đối mặt với không ít khó khăn: biến động giá cả, lợi thế lương thấp giảm; chi phí logistics tăng cao; chuyển dịch các dòng vốn trong nước đang phụ thuộc nhiều vào FDI; nguy cơ nợ xấu gia tăng; thị trường lao động phục hồi chậm và thiếu lao động tay nghề cao... Trước bối cảnh đó, Trung ương đã ban hành các chính sách quan trọng nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho phục hồi phát triển kinh tế - xã hội cả nước, đảm bảo lạm phát được kiểm soát, tăng trưởng được thúc đẩy, các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm.²

Đối với thành phố Đà Nẵng, ngay từ đầu năm 2023, UBND thành phố đã tập trung mọi nguồn lực để thực hiện hiệu quả các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ

¹ Theo báo cáo Triển vọng kinh tế toàn cầu tháng 01/2023, Ngân hàng Thế giới (WB) nhận định tăng trưởng toàn cầu chỉ đạt 1,7% năm 2023, thấp hơn 1,3 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 6/2022. Trong báo cáo Tình hình và triển vọng kinh tế thế giới tháng 02/2023, UNDESA nhận định tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2023 chỉ đạt 1,9%, giảm 1,2 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 6/2022. Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) nhận định tăng trưởng toàn cầu năm 2023 đạt 2,9%, cao hơn 0,2 điểm phần trăm so với dự báo tháng 10/2022. Fitch Ratings (FR) nhận định triển vọng tăng trưởng kinh tế thế giới trong ngắn hạn được cải thiện đáng kể khi đạt mức 2,0% năm 2023, điều chỉnh tăng 0,6 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 12/2022. Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) nhận định tăng trưởng toàn cầu năm 2023 có dấu hiệu tăng, dự báo đạt 2,6% trong năm 2023, tăng 0,4 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 11/2022.

² Trong báo cáo Điểm lại tháng 3/2023, WB nhận định triển vọng của nền kinh tế Việt Nam vẫn thuận lợi. Trước những khó khăn trong nước và ngoài nước, GDP dự báo tăng trưởng 6,3% năm 2023.

tướng Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương hướng đến mục tiêu đảm bảo thực hiện thành công Chủ đề năm 2023: “*Năm tập trung khơi thông các nguồn lực, thu hút đầu tư; giữ vững tăng trưởng kinh tế và đảm bảo an sinh xã hội*”.

Sơ bộ một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng quý I năm 2023 như sau:

I. LĨNH VỰC KINH TẾ

1. Tăng trưởng toàn nền kinh tế

Mặc dù đối mặt với nhiều khó khăn thách thức, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất và xuất khẩu, tuy nhiên kinh tế thành phố Đà Nẵng quý I năm 2023 vẫn giữ được nhịp độ tăng trưởng khá nhờ đà phục hồi tích cực của hoạt động du lịch và các lĩnh vực dịch vụ khác đi kèm.

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) quý I năm 2023 ước tăng 7,12% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, chủ yếu là đóng góp của khu vực dịch vụ với mức tăng 11,53%, đóng góp 7,86 điểm phần trăm vào mức tăng chung; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm 0,01%; khu vực công nghiệp và xây dựng giảm 4,74% và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 1,50% so với cùng kỳ năm 2022.

Với mức tăng 7,12% trong quý I năm 2023, GRDP của Đà Nẵng dẫn đầu các tỉnh, thành phố trong vùng Kinh tế trọng điểm Miền Trung về tốc độ tăng³; xếp thứ hai trong khối 5 thành phố trực thuộc Trung ương⁴; thứ bảy trong vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung và xếp thứ 19 so với cả nước.

Quy mô nền kinh tế quý I năm 2023 (giá hiện hành) tiếp tục được mở rộng, ước đạt hơn 30.746 tỷ đồng, tăng 3.343 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, giá trị tăng thêm (VA) khu vực dịch vụ tăng 3.109 tỷ đồng; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng hơn 35 tỷ đồng; riêng khu vực công nghiệp và xây dựng thu hẹp quy mô 25.626 tỷ đồng so với cùng kỳ.

Về cơ cấu trong quy mô nền kinh tế quý I, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tiếp tục giảm tỷ trọng từ 1,69% trong quý I năm 2022 xuống còn 1,62% trong quý I năm 2023; khu vực công nghiệp và xây dựng cũng có xu hướng tương tự, từ 19,63% xuống còn 17,41%; ngược lại, khu vực dịch vụ tiếp tục được mở rộng từ 67,74% lên 70,49%; thuế sản phẩm từ 10,94% xuống còn 20,48%%. Như vậy, cơ cấu nền kinh tế quý I tiếp tục có sự dịch chuyển theo hướng mở rộng khu vực dịch vụ và thu hẹp các khu vực còn lại.

2. Nông, lâm nghiệp và thủy sản

Quý I năm 2023, ngành nông nghiệp tập trung theo dõi sản xuất vụ Đông - Xuân, hoạt động chăn nuôi phát triển khá, dịch bệnh được kiểm soát. Công tác quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng được tăng cường. Hoạt

³ Tốc độ tăng/giảm GRDP các tỉnh thuộc Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung như sau: Thừa Thiên Huế (+6,61%); Đà Nẵng (+7,12%); Quảng Nam(-10,90%); Quảng Ngãi (-1,07%) và Bình Định (+4,11%).

⁴ Đà Nẵng xếp sau Hải Phòng (+9,65%); cao hơn Hà Nội (+5,80%); Cần Thơ (+4,02%) và TP.Hồ Chí Minh (+0,70%).

động nuôi trồng và khai thác thủy sản được duy trì ổn định, tuy nhiên sản lượng thủy sản giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước.

Ước tính tăng trưởng VA chung toàn khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản quý I năm 2023 giảm nhẹ ở mức 0,01% so với cùng kỳ. Trong đó, nông nghiệp và các dịch vụ liên quan tăng 3,51%; lĩnh vực lâm nghiệp giảm 3,61% và lĩnh vực thủy sản giảm 1,10%.

2.1. Nông nghiệp

a) Lĩnh vực trồng trọt

Trong 3 tháng đầu năm 2023, thành phố tập trung, triển khai và theo dõi hướng dẫn sản xuất cây trồng vụ Đông - Xuân. Tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để tạo chuyển biến rõ rệt về năng suất, chất lượng và hiệu quả. Ngành chuyển đổi cây trồng trên cơ sở phát huy lợi thế, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Tính đến ngày 15/3/2023, diện tích gieo trồng các loại cây trồng vụ Đông - Xuân trên địa bàn ước đạt 3.527,4 ha, bằng 95,9% so với cùng kỳ năm trước. Đến nay, diện tích gieo trồng lúa đạt 2.438,4 ha, bằng 96,5% so với cùng kỳ năm trước; diện tích gieo trồng các loại cây trồng khác ước đạt 1.089,0 ha, bằng 94,4% so với cùng kỳ năm trước. Diện tích cây lạc, ngô, đậu, khoai lang giảm so với cùng kỳ năm trước. Trong khi, cây mía thích nghi với thời tiết mát, lạnh được bà con xuống giống sớm hơn với diện tích gieo trồng ước tăng 3,7% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chính làm cho diện tích gieo trồng vụ Đông - Xuân giảm là một phần đất sản xuất nông nghiệp nằm trong ranh giới quy hoạch của các dự án, như đường vành đai phía Tây thành phố, khu dân cư đô thị Tây Nam huyện Hòa Vang; quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở một số cây trồng có hiệu quả kinh tế không cao.

Nhìn chung, cây lúa vụ Đông - Xuân phát triển khá tốt, những trà lúa chính vụ đang trong giai đoạn đứng cái, làm đòng, trổ bông. Các loại cây rau màu sinh trưởng và phát triển tốt: cây lạc đang ở giai đoạn phát triển quả, cây ngô phát triển trổ cờ - phun râu, cây mía ở giai đoạn vươn lóng - tích lũy đường... Do thời tiết về đêm và sáng sớm trời lạnh, ngày nắng, biên độ nhiệt giữa ngày và đêm chênh lệch nhiều, đây là điều kiện thuận lợi để một số sinh vật gây hại xuất hiện và sinh trưởng nhanh, gây ảnh hưởng đến sự phát triển của cây trồng. Chính vì vậy, các cơ quan chuyên ngành đã phối hợp với các địa phương tăng cường công tác kiểm tra tình hình sản xuất, sinh vật hại và hướng dẫn nông dân chăm sóc và phòng trừ sinh vật hại kịp thời nhằm hạn chế mức thấp nhất của sâu bệnh hại gây ra. Ngoài ra, thành phố tiếp tục tuyên truyền vận động, duy trì hướng dẫn và hỗ trợ nhân rộng phát triển cây trồng theo hướng hữu cơ đối với các cây rau củ quả, dưa và cây ăn quả, cây trồng bản địa, đặc trưng, có lợi thế trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Ước tính quý I/2023, tổng diện tích cây lâu năm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng là 910,0 ha, bằng 107,0% so với cùng kỳ năm trước. Diện tích các nhóm cây trồng có sự biến động nhưng không nhiều so với cùng kỳ năm trước. Nhóm

cây ăn quả ước đạt 692,2 ha, có tỷ trọng lớn nhất (76,1%) trong tổng diện tích cây lâu năm; nhóm cây lấy quả chứa dầu như: cây dừa ước đạt 33,1 ha, chiếm 3,6%; cây điều đạt 18 ha, chiếm 2,0%; cây hồ tiêu đạt 18 ha chiếm 4,9%; cây chè ước đạt 72,0 ha, chiếm 7,9% tỷ trọng trong tổng diện tích cây lâu năm; còn lại là nhóm cây gia vị, dược liệu và cây lâu năm khác như: cây cau...

Năng suất, sản lượng cây lâu năm nay tăng cao so với cùng kỳ năm trước, đặc biệt là cây ăn quả. Trong những năm gần đây, một số cây trồng có tiềm năng về giá trị trên thị trường được quy hoạch thành vùng trồng tập trung, phát triển mở rộng (theo đề án Nông thôn mới). Có những cây trồng bà con được hỗ trợ về cây giống, kỹ thuật để phát triển mô hình vườn mẫu nông thôn mới nên diện tích tăng so với trước đây, như cây bưởi, cây ổi, cây mít. Không những vậy, nhiều hộ dân đã mạnh dạn chuyển đổi diện tích đất vườn kém hiệu quả sang trồng một số loại cây ăn quả, điển hình là bưởi da xanh. Việc chuyển đổi này giúp người nông dân cải thiện kinh tế, tạo thêm việc làm và tận dụng quỹ đất hiện tại. Cùng với đó, việc vận động và hướng dẫn người dân mạnh dạn tham gia trồng các loại cây mang lại hiệu quả kinh tế cao nhằm phát triển các mô hình kinh tế nông nghiệp.

Tính đến thời điểm báo cáo, tình hình sinh trưởng và phát triển các loại cây trồng lâu năm tương đối ổn định.

b) Lĩnh vực chăn nuôi

Trong 03 tháng đầu năm 2023, tình hình chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn cơ bản ổn định, dịch bệnh được kiểm soát, thành phố đã tăng cường công tác giám sát phòng chống dịch bệnh trên gia súc, gia cầm, tiếp tục tăng cường kiểm soát giết mổ, kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y, các quầy, điểm kinh doanh thịt gia súc, gia cầm, trứng gia cầm, sản phẩm đông lạnh. Từ đầu năm đến nay, tình hình dịch bệnh luôn được kiểm soát, các bệnh Cúm gia cầm, lở mồm long móng ở trâu bò, bệnh tai xanh ở lợn không xảy ra trên địa bàn thành phố.

Trong quý I/2023, hộ chăn nuôi đã bắt tay vào vụ nuôi mới, tập trung tái đàn vật nuôi nhằm bảo đảm nguồn cung thực phẩm ra thị trường với phương châm thận trọng, không ồ ạt trong điều kiện giá thức ăn chăn nuôi vẫn ở mức khá cao. Ước tính tháng 3/2023, tổng đàn gia súc trên địa bàn thành phố ước đạt 43,0 nghìn con, giảm 1,1% so với tháng 02/2023, tăng 12,8% so với tháng 1/2023 và giảm 18,8% so với tháng 3/2022, trong đó tổng đàn trâu đạt 1,4 nghìn con, giảm 29,5%; đàn bò đạt 13,5 nghìn con, giảm 15,7%; đàn lợn đạt 28,1 nghìn con, giảm 19,7% so với cùng kỳ năm 2022. So với cùng kỳ năm trước, đàn gia súc có xu hướng giảm bởi quá trình quy hoạch đô thị vẫn đang tiếp tục diễn ra, các hộ chăn nuôi nằm trong khu vực giải tỏa bị thu hồi đất và xử lý ô nhiễm môi trường.

Tổng số đầu con đàn gia súc biến động giảm so với cùng kỳ năm 2022, dẫn đến sản lượng thịt hơi xuất chuồng cũng giảm sâu so với cùng kỳ. Tính chung 3 tháng đầu năm 2023, sản lượng thịt trâu hơi ước đạt 13,3 tấn giảm 27,8%; thịt bò hơi 55,7 tấn giảm 7,0%; thịt lợn hơi 1.275,6 tấn giảm 23,6%. Bên cạnh đó, sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng ước đạt 455,0 tấn, tăng 75,0%;

sản lượng thịt gà hơi xuất chuồng ước 337,0 tấn, tăng 59,7% so với cùng kỳ năm 2022; sản lượng trứng gia cầm đạt gần 4,8 triệu quả, tăng 6,5%; riêng trứng gà đạt 4,2 triệu quả, tăng 6,3% so với cùng kỳ năm 2022.

Nhu cầu tiêu thụ đối với thịt và trứng gia cầm ngày càng tăng, người chăn nuôi có cơ hội mở rộng quy mô sản xuất. Trong tháng, đàn gia cầm ước đạt 804 nghìn con, tăng 19,5%, trong đó đàn gà đạt 768 nghìn con, mức tăng khá ấn tượng với 123,3% so với cùng kỳ năm 2022. Các chỉ tiêu về sản lượng thịt và trứng gia cầm đều mang chỉ số dương so với cùng kỳ năm trước, cụ thể: sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng ước đạt 455,0 tấn, tăng 75,0%; sản lượng thịt gà hơi xuất chuồng ước 337,0 tấn, tăng 59,7% so với cùng kỳ năm 2022; sản lượng trứng gia cầm đạt gần 4,8 triệu quả, tăng 6,5%; riêng trứng gà đạt 4,2 triệu quả, tăng 6,3% so với cùng kỳ năm 2022.

2.2. Lâm nghiệp

Từ đầu năm đến nay, công tác quản lý và bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng được cơ quan chức năng tiếp tục chú trọng. Trên địa bàn thành phố không xảy ra các vụ phát lửa gây cháy rừng; đã tổ chức 93 đợt kiểm tra, truy quét tại rừng; kết quả: lâm phần ổn định, không phát hiện dấu hiệu tác động vào rừng; phối hợp tổ chức 28 đợt tuần tra bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng trên các tuyến đường xung quanh Bán đảo Sơn Trà. Số vụ vi phạm hành chính đã lập biên bản và đã xử lý: 03 vụ , trong đó 01 vụ về hành vi phá rừng trái pháp luật. Kết quả xử lý: xử phạt vi phạm hành chính 53,0 triệu đồng, khắc phục hậu quả thanh toán chi phí trồng lại rừng là 4,2 triệu đồng.

Tháng 3 năm 2023, sản lượng khai thác gỗ rừng trồng trong tháng ước đạt 7,1 nghìn m³, giảm 7,2%; sản lượng củi khai thác ước đạt 9,1 nghìn ste, giảm 9,0% so với cùng kỳ năm 2022. Lũy kế 03 tháng đầu năm 2023, sản lượng khai thác gỗ rừng trồng ước đạt 33,4 nghìn m³, giảm 3,7%; sản lượng củi khai thác ước đạt 21,5 nghìn ste, giảm 4,4% so với cùng kỳ năm 2022. Cây lâm nghiệp trồng phân tán ước đạt 668 nghìn cây, tăng 1,7% so với cùng kỳ năm trước.

2.3. Thủy sản

Tình hình khai thác thủy sản phát triển ổn định, công tác kiểm tra đăng ký, đăng kiểm tàu cá và các điều kiện đảm bảo an toàn phương tiện được chú trọng; việc thực hiện các chính sách hỗ trợ ngư dân khai thác hải sản xa bờ được ngành và các địa phương quan tâm.

Trong tháng, tổng sản lượng các loại thủy sản khai thác và nuôi trồng trên địa bàn thành phố ước đạt 2.783,1 tấn, giảm khá (gần 14,2%) so với tháng 2/2023 và giảm 3,9% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, cá đạt 2.234,1 tấn giảm 3,7%; tôm 36,3 tấn giảm 11,5%; thủy sản khác 512,7 tấn giảm 4,5% so với cùng kỳ năm 2022. Tính chung 03 tháng đầu năm 2023, tổng sản lượng các loại thủy sản khai thác và nuôi trồng ước đạt 9.580,0 tấn giảm 1,1% so với cùng kỳ năm 2022.

Đối với lĩnh vực khai thác thủy sản: Lĩnh vực khai thác thủy sản ở thành phố Đà Nẵng từ lâu được coi là mũi nhọn của ngành thủy sản. Tuy nhiên, hoạt

động khai thác thủy sản trong tháng ước đạt 2.673,1 tấn, giảm 15,5% so với tháng 2/2023 và giảm 4,3% so với cùng kỳ năm 2022. Lũy kế sản lượng thủy sản khai thác 03 tháng đầu năm 2023 lên 9.308,1 tấn, giảm 1,3% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng khai thác giảm chủ yếu do ảnh hưởng của thời tiết không thuận lợi, lao động đi biển ngày càng ít và các đội tàu khai thác vùng khơi nghề lưới vây, lưới cần, rê 3 lớp hoạt động khai thác chưa hiệu quả. Sản lượng khai thác thủy sản biển ước đạt 9.266,2 tấn giảm 1,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong khi đó, sản lượng khai thác thủy sản nội địa đạt mức tăng khá với 9,8% so với cùng kỳ năm trước; tuy nhiên mức tăng này ít ảnh hưởng đến tốc độ tăng chung do lĩnh vực này chiếm tỷ trọng rất nhỏ (chưa tới 1%) trong tổng sản lượng thủy sản khai thác.

Đối với lĩnh vực nuôi trồng thủy sản: Hiện nay, nông dân bước vào vụ nuôi thủy sản nước ngọt và nuôi tôm nước lợ, nhiều hộ nông dân đang cải tạo, vệ sinh ao hồ, để kịp thời thả giống, đúng khung thời vụ, chuẩn bị mọi điều kiện để sẵn sàng cho vụ mới với hy vọng được mùa, được giá. Trong tháng, sản lượng thủy sản nuôi trồng ước đạt 110,0 tấn, tăng 4,9% so với cùng kỳ năm 2022; nâng lũy kế 03 tháng đầu năm 2023 lên 271,9 tấn tăng 7,5% so với cùng kỳ năm trước. Tính đến nay, tình hình dịch bệnh trong nuôi thủy sản nước ngọt và nuôi tôm nước lợ trên địa bàn thành phố chưa xảy ra.

3. Công nghiệp và xây dựng

Mặc dù chỉ số IIP trong quý I năm 2023 chỉ đạt 96,8% so với cùng kỳ nhưng những tín hiệu tích cực từ các chuỗi cung ứng cũng như hợp đồng ký kết sản phẩm gia tăng trong thời gian gần đây sẽ là đòn bẩy quan trọng thúc đẩy chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng cao trong những tháng tiếp theo.

Ước tính tăng trưởng VA toàn khu vực công nghiệp và xây dựng quý I năm 2023 giảm 4,74%. Trong đó, lĩnh vực công nghiệp tăng nhẹ (+0,45%), chủ yếu là nhờ sự đóng góp của hoạt động khai khoáng; ngành cung cấp nước và hoạt động quản lý, xử lý nước thải, rác thải; đặc biệt lĩnh vực xây dựng giảm sâu (-17,82%) do nhu cầu xây dựng trong dân giảm, đầu tư xây dựng cơ bản của các doanh nghiệp gặp khó khăn về vốn, vật liệu xây dựng...

3.1. Lĩnh vực công nghiệp

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) toàn ngành tháng 3 năm 2023 ước tăng 19,2% so với tháng trước và tăng 2,6% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng lần lượt 20,4% và 1,2%. Bình quân quý I năm 2023, IIP toàn ngành giảm 3,3% so với bình quân cùng kỳ năm 2022.

Ngoài hoạt động khai khoáng và ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải đạt kết quả tăng trưởng khá, hoạt động công nghiệp chế biến, chế tạo cũng đang có xu hướng phục hồi và tăng trưởng trở lại. Tuy nhiên tính chung quý I năm 2023 hoạt động ngành này vẫn giảm gần 4,9% so với cùng kỳ, kéo mức giảm bình quân toàn ngành xuống 3,3%. Một số ngành chủ lực có mức giảm sâu phải kể đến như: sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác (-29,2%); sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất (-22,9%); sản xuất sản

phẩm từ cao su và plastic (-18,9%)... Bên cạnh đó, cũng có một số ngành công nghiệp lấy được đà tăng trưởng trở lại như: sản xuất chế biến thực phẩm (+17,8%); sản xuất đồ uống (+36,2%); sản xuất gỗ và các sản phẩm từ gỗ (+33,0%); sản xuất xe có động cơ (+25,6%)...

Nhìn chung, tình hình sản xuất công nghiệp quý I năm 2023 trên địa bàn mặc dù còn nhiều khó khăn, thách thức do tình hình kinh tế thế giới vẫn còn nhiều bất ổn; sức ép về lạm phát, tỷ giá, lãi suất, đặc biệt là giá các nguyên liệu đầu vào tăng cao... Nhưng với sự nỗ lực của các cấp, ngành; sự đồng lòng, quyết tâm của cộng đồng tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh, hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn đã dần ổn định, hầu hết doanh nghiệp đã đưa lực lượng lao động trở lại lịch làm việc bình thường.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ lực trong tháng tăng cao so với cùng kỳ phải kể đến như: tôm đông lạnh (+44,9%); bia đóng chai (+75,3%); bộ phận và các phụ tùng của máy tính (+38,4%); bộ dây đánh lửa và bộ dây khác sử dụng cho xe có động cơ (+52,4%). Tuy nhiên bình quân quý I vẫn còn nhiều sản phẩm đạt chỉ số thấp so với cùng kỳ, như: thịt, cá đông lạnh (-61,4%); clanhke xi măng (-54,5%); xi măng Portland đen (-23,6%); bê tông trộn sẵn (bê tông tươi) giảm 21,5%...

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tháng 3 năm 2023 tăng 11,3% so với tháng trước nhưng giảm 9,7% so với cùng kỳ. Bình quân quý I năm 2023, chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 12,8%, trong đó các ngành có chỉ số tiêu thụ tăng cao, góp phần kìm hãm mức tiêu thụ sụt giảm chung như: sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu (+11,2%); sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học (+43,9%); sản xuất xe có động cơ (+67,9%). Các ngành có chỉ số tiêu thụ thấp hơn so với chỉ số tiêu thụ chung: chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác; công nghiệp chế biến, chế tạo khác...

Kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo cho thấy, có đến 60,6% số doanh nghiệp được phỏng vấn nhận định nhu cầu thị trường trong nước thấp, 33,8% doanh nghiệp cho rằng nhu cầu thị trường quốc tế không cao. Đây được xem là trở ngại lớn phải kể đến đối với các doanh nghiệp trong khâu tiêu thụ sản phẩm.

Chỉ số tồn kho ngành chế biến, chế tạo: Tính đến thời điểm cuối tháng 02 năm 2023 chỉ số tồn kho ngành chế biến, chế tạo tăng 20,8% so với cùng kỳ. Tuy nhiên chỉ số này dự ước tăng còn 1,4% tại thời điểm cuối quý I năm 2023. Hiện nay một số doanh nghiệp lớn đã thương lượng, ký kết được nhiều đơn đặt hàng mới, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm nên ngoài việc đẩy mạnh sản xuất sản phẩm thì lượng hàng hóa tồn kho thời gian qua cũng đã được xuất kho tiêu thụ. Một số ngành có mức tồn kho thấp so với cùng kỳ, điển hình: ngành sản xuất hóa chất, dược liệu (-81,32%); ngành sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác (-56,4%); dệt (-56,4%); công nghiệp chế biến, chế tạo khác (-49,8%). Ở chiều ngược lại, có một số ngành lượng hàng tồn kho còn khá cao như: sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (+98,4%); sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ

máy móc, thiết bị) (+71,1%); chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế) tăng 28,3% so với thời điểm cuối quý I năm 2022.

Chỉ số sử dụng lao động trong các doanh nghiệp ước tính tháng 3 năm 2023 tăng 0,1% so với tháng trước và giảm 4,7% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung quý I năm 2023, chỉ số sử dụng lao động giảm 3,7%. Trong đó, lao động khu vực doanh nghiệp nhà nước giảm 2,7%; lao động doanh nghiệp ngoài nhà nước tăng 7,0% và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài giảm 15,8%. Xét theo ngành hoạt động, hầu hết các ngành hoạt động trong quý đều có chỉ số lao động giảm so với cùng kỳ trừ ngành khai khoáng tăng đột biến (+46,4%) do một số cơ sở khai khoáng đã được cấp quyền hoạt động trở lại, bên cạnh đó một số doanh nghiệp nhận được hợp đồng cung cấp nguyên liệu có giá trị lớn trong kỳ. Các ngành chế biến, chế tạo; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí; cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải lần lượt giảm (-3,7%), (-2,6%) và (-6,9%). Diễn hình một số nhóm ngành thuộc công nghiệp chế biến, chế tạo có chỉ số lao động giảm sâu so với cùng kỳ như: sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học (-31,7%); dệt (-27,8%); công nghiệp chế biến, chế tạo khác (-21,4%). Mặc dù chỉ số lao động dự kiến đến cuối quý I năm 2023 vẫn ở mức âm 3,7% so với cùng kỳ, nhưng hiện nhiều doanh nghiệp đã dần khôi phục lại công suất sản xuất, tình trạng cắt giảm giờ làm việc, cho lao động nghỉ việc luân phiên, nghỉ việc thời vụ... đã được cải thiện, các công nhân ở một số công ty đã trở lại làm đủ 8 giờ/ngày.

Để ngành công nghiệp tiếp tục là động lực tăng trưởng của nền kinh tế thành phố trong năm 2023 và những năm đến, thiết nghĩ Chính quyền thành phố cần phải đề ra các giải pháp phát triển nguồn nhân lực; có chính sách ưu đãi trong thu hút đầu tư đối với ngành công nghiệp, đặc biệt là các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; từng bước tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp trong khâu tiêu thụ sản phẩm như: tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại; tìm kiếm, mở rộng thị trường xuất khẩu; thực hiện các chính sách hỗ trợ thuế, phí xuất khẩu; kích cầu tiêu thụ trong nước... để tăng khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp khu vực, trong và ngoài nước.

3.2. Lĩnh vực xây dựng

Trong bối cảnh kinh tế, chính trị toàn cầu còn nhiều rủi ro, biến động; lãi suất tăng cao; khối lượng dự án được ký kết giảm; công nợ khó đòi khi thị trường bất động sản “ngủ đông”... là những khó khăn hiện hữu mà các doanh nghiệp hoạt động lĩnh vực xây dựng đang phải đối mặt. Nhiều dự án đầu tư ngoài nhà nước bị đóng băng do vướng vào thủ tục pháp lý, dòng tiền đầu tư bị thâm hụt... đã phần nào ảnh hưởng đến giá trị xây dựng trên địa bàn thời gian qua và dự kiến sẽ còn gặp nhiều khó khăn, rủi ro trong thời gian đến.

Giá trị sản xuất xây dựng quý I năm 2023 theo giá hiện hành ước đạt 4.668 tỷ đồng, giảm 29,3% so với quý trước và giảm 12,2% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, công trình nhà ở và không ở có mức giảm sâu nhất so với cùng kỳ (-

24,0%), riêng hoạt động xây dựng chuyên dụng vẫn duy trì được mức tăng cao (+19,4%) góp phần kìm hãm sự sụt giảm chung của toàn ngành xây dựng.

Tăng trưởng VA toàn ngành quý I năm 2023 (theo giá so sánh 2010) ước giảm 17,8% so với cùng kỳ. Trong đó, xây dựng nhà các loại giảm 28,7%; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng giảm 18,3%; riêng hoạt động xây dựng chuyên dụng tăng 15,5%.

4. Thương mại và dịch vụ

Hoạt động thương mại và dịch vụ trên địa bàn trong tháng Ba và 3 tháng đầu năm 2023 diễn ra sôi động; nhiều chương trình kích cầu, kết nối, xúc tiến thương mại được triển khai; đời sống, việc làm của người dân dần ổn định; doanh thu dịch vụ giữ được đà tăng trưởng, là trụ đỡ chính thúc đẩy kinh tế thành phố phát triển trong bối cảnh kinh tế trong nước và thế giới đang phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức.

Tăng trưởng toàn khu vực dịch vụ quý I năm 2023 ước đạt 11,53%. Trong đó, một số nhóm ngành dịch vụ duy trì mức tăng cao sau khi dịch bệnh được kiểm soát, đóng góp tích cực cho tăng trưởng chung phải kể đến như: dịch vụ lưu trú và ăn uống (+70,31%); hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ (+96,29%); nghệ thuật vui chơi và giải trí (+20,98%); các hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác (+78,10%); hoạt động vận tải, kho bãi (+13,1%); riêng lĩnh vực thương mại giảm sâu (-13,52%), tập trung chủ yếu ở lĩnh vực bán và sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy (-33,63%) và ngành bán buôn hàng hóa (-21,82%).

4.1. Thương mại hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng

a) Thương mại hàng hoá

Tổng mức bán lẻ hàng hóa tháng 3 năm 2023 ước đạt 5.247 tỷ đồng, tăng 7,5% so với tháng trước và tăng 6,1% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung quý I năm 2023, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 15.566 tỷ đồng, tăng 8,0% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, có 8/11 nhóm hàng hóa có doanh thu tăng và 3/11 nhóm có doanh thu giảm so với cùng kỳ năm trước.

Do 03 tháng đầu năm tình hình xuất khẩu hàng hóa có dấu hiệu trầm lắng, nhiều cơ sở hoạt động trong các ngành bán buôn có sự sụt giảm đáng kể kéo theo tổng mức bán buôn hàng hóa tháng 03 năm 2023 dự kiến chỉ đạt 10.904 tỷ đồng, tăng 6,6% so với tháng trước và bằng 84,4% so với tháng cùng năm 2022. Tính chung quý I năm 2023, tổng mức bán buôn hàng hóa ước đạt 30.321 tỷ đồng, giảm 20,4% so với cùng kỳ. Trong đó, giảm sâu nhất là nhóm ngành gỗ và vật liệu xây dựng (-39,4%), tiếp đến là nhóm ngành phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng) giảm 36,5%; nhóm ô tô các loại giảm 30,9%...

b) Hoạt động dịch vụ du lịch

Trong thời gian qua, công tác truyền thông, xúc tiến được tích cực thực hiện với việc triển khai chương trình hỗ trợ MICE nội địa và quốc tế năm 2023 (trong tháng 2/2023, du lịch Đà Nẵng đón 01 đoàn khách MICE nội địa 500

khách); xây dựng Kế hoạch triển khai các giải pháp khôi phục, phát triển thị trường khách du lịch quốc tế đến Đà Nẵng giai đoạn 2023-2025; phối hợp với Hãng hàng không Singapore Airlines đón đoàn Famtrip lữ hành Nam Phi đến khảo sát hạ tầng, dịch vụ du lịch tại Đà Nẵng và miền Trung; đề xuất chương trình hỗ trợ thu hút khách du lịch cưới quốc tế đến Đà Nẵng năm 2023 và xây dựng Kế hoạch đón đoàn famtrip cưới Ấn Độ (dự kiến tháng 03/2023); trình phê duyệt Kế hoạch tổ chức tuần lễ Golf 2023 và giải Golf phát triển Châu Á 2023; Kế hoạch triển khai chương trình kích cầu thu hút khách du lịch đến Đà Nẵng năm 2023; phối hợp doanh nghiệp trong xúc tiến quảng bá du lịch Golf quốc tế năm 2023-2024; chuẩn bị thông tin chương trình xúc tiến quảng bá du lịch Đà Nẵng tại Qatar và UAE cùng đoàn lãnh đạo thành phố, dự kiến đầu tháng 3/2023...

Việc Trung Quốc đưa Việt Nam vào danh sách thí điểm mở cửa du lịch theo đoàn từ ngày 15/3/2023 cũng được kỳ vọng sẽ tạo cú huých lớn cho ngành du lịch Đà Nẵng nói riêng và cả nước nói chung bởi Trung Quốc là thị trường khách tiềm năng của Du lịch Đà Nẵng.

Dự tính trong tháng 3 năm 2023 doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống ước đạt 1.806 tỷ đồng, tăng lần lượt 6,4% so với tháng trước và 55,3% so với tháng cùng kỳ năm 2022. Trong đó, doanh thu hoạt động lưu trú đạt 720,6 tỷ đồng; doanh thu dịch vụ ăn uống đạt 1.085,5 tỷ đồng tăng lần lượt 8,9% và 4,7% so với tháng trước, tăng 150,2% và 24,1% so với tháng cùng kỳ.

Tính chung quý I năm 2023, doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống ước đạt 5.206 tỷ đồng, tăng 73,5% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, doanh thu lưu trú ước đạt 2.032,5 tỷ đồng, tăng 177,1%; doanh thu ăn uống 3.173,6 tỷ đồng, tăng 39,9% cùng kỳ.

Số lượt khách cơ sở lưu trú phục vụ trong tháng 3 năm 2023 ước đạt 542,6 nghìn lượt, tăng 9,1% so với tháng trước và cao 3,6 lần so với tháng cùng kỳ năm 2022. Tính chung quý I năm 2023, tổng lượt khách cơ sở lưu trú phục vụ ước đạt 1.424,3 nghìn lượt, tăng 365,5% cùng kỳ. Số ngày lưu trú bình quân tính chung cho khách ngủ qua đêm quý I ước đạt 1,66 ngày/lượt khách, trong đó, khách quốc tế là 2,05 ngày/lượt; khách trong nước là 1,43 ngày/lượt.

Hoạt động lữ hành đã dần phục hồi và lấy lại đà tăng trưởng. Dự ước tháng 03 năm 2023 doanh thu lữ hành và các dịch vụ hỗ trợ du lịch đạt 264,2 tỷ đồng, tăng 10,5% so với tháng trước và gấp 6,0 lần so với tháng cùng kỳ. Số lượt khách du lịch theo tour do cơ sở lữ hành phục vụ trong tháng 3 năm 2023 ước đạt 82,0 nghìn lượt. Tính chung quý I/2023 ước đạt hơn 207,7 nghìn lượt, gấp 20,5 lần so với cùng kỳ năm 2022, trong đó khách quốc tế chiếm 23,3% (tương ứng 48,4 nghìn lượt).

c) Dịch vụ tiêu dùng khác

Cùng với sự hoạt động nhộn nhịp trở lại của ngành dịch vụ du lịch đã tạo đà cho các nhóm ngành dịch vụ tiêu dùng khác phát triển trở lại, đặc biệt là nhóm ngành nghệ thuật, vui chơi và giải trí. Trong tháng 3/2023 doanh thu dịch vụ tiêu

dùng khác ước đạt 2.685 tỷ đồng, tăng 0,2% so với tháng trước và tăng 68,1% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Tính chung quý I năm 2023, doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác ước đạt 8.038,7 tỷ đồng, tăng 81,6% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, doanh thu dịch vụ nghệ thuật, vui chơi và giải trí tăng 185,8%; dịch vụ hành chính và dịch vụ hỗ trợ tăng 98,0%; giáo dục và đào tạo tăng 121,3%; hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác tăng 110,5% so với cùng kỳ năm 2022.

4.2. Hoạt động vận tải; bưu chính và chuyển phát

Tình hình hoạt động vận tải, bưu chính và chuyển phát trên địa bàn thành phố Đà Nẵng trong quý tiếp tục duy trì mức tăng trưởng khá, đặc biệt là hoạt động vận tải hành khách. Các tuyến xe đường dài liên tỉnh hoạt động liên tục với các gói dịch vụ chăm sóc khách hàng ngày càng đa dạng và chất lượng. Riêng doanh thu vận tải hàng hoá tính chung 3 tháng đầu năm 2023 có phần sụt giảm do nhu cầu vận chuyển suy yếu và giá cước vận chuyển giảm.

Tổng doanh thu hoạt động vận tải, kho bãi; bưu chính và chuyển phát tháng 3 năm 2023 ước đạt 2.687,6 tỷ đồng, tăng 2,3% so với tháng trước và tăng 35,4% so với cùng kỳ năm 2022, trong đó vận tải đường thủy đang có dấu hiệu phục hồi khá tích cực khi ngay từ đầu năm Đà Nẵng đã đón lượng khách khá lớn đến từ các nước Châu Âu nâng mức doanh thu từ vận tải hành khách đường biển cao gấp 60,0 lần so với tháng cùng kỳ.

Tính chung quý I năm 2023, doanh thu ngành vận tải, bưu chính và chuyển phát ước đạt 7.933,3 tỷ đồng, tăng 38,2% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, hoạt động vận tải hành khách đạt mức tăng khá ấn tượng (+81,3%) tương đương đạt 3.721,4 tỷ đồng; dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 2.540,6 tỷ đồng, tăng 28,3%; dịch vụ bưu chính, chuyển phát đạt 293,7 tỷ đồng, tăng 8,2%. Riêng doanh thu vận tải hàng hóa trong quý I giảm 4,1% so với cùng kỳ do tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh ở một số doanh nghiệp thuộc ngành công nghiệp, xây dựng, hoạt động xuất nhập khẩu gặp nhiều khó khăn, trở ngại, kéo theo giá cước vận chuyển giảm trong khi nhiên liệu xăng dầu liên tục điều chỉnh tăng giá.

a) Vận tải hành khách

Dự kiến tháng 3 năm 2023 doanh thu vận tải hành khách ước đạt 1.271,6 tỷ đồng, tăng 1,9% so với tháng trước và tăng gần 78% so với tháng cùng kỳ năm 2022. Hành khách vận chuyển bằng đường bộ, đường thủy tháng 3 năm 2023 ước đạt 2.163 nghìn HK, tăng 3,3% so với tháng trước và tăng 14,8% so với tháng cùng kỳ năm 2022; số lượt hành khách luân chuyển trong tháng ước đạt 61,0 triệu lượt HK.km, tăng 1,0% so với tháng trước và tăng 6,8% so với tháng cùng kỳ.

Tính chung quý I năm 2023 doanh thu vận tải hành khách ước đạt 3.721,4 tỷ đồng, tăng 81,3% so với cùng kỳ. Hành khách vận chuyển bằng đường bộ, đường thủy 03 tháng ước đạt 6.329 nghìn HK, tăng 21,1%; số lượt hành khách luân chuyển ước đạt 191,7 triệu lượt HK.km, tăng 13,8% so với cùng kỳ.

b) Vận tải hàng hóa

Doanh thu vận tải hàng hóa trong tháng 03 năm 2023 ước đạt 461,6 tỷ đồng, tăng 5,5% so với tháng trước và giảm 5,5% so với tháng cùng kỳ năm trước. Khối lượng hàng hóa vận chuyển bằng đường bộ và đường thủy trong tháng ước đạt gần 3,0 triệu tấn, tăng 3,6% so với tháng trước và giảm 4,6% so với tháng cùng kỳ năm 2022; khối lượng hàng hóa luân chuyển ước đạt 341,4 triệu tấn.km, giảm 0,9% và 0,7% so với tháng trước và tăng 9,3% so với tháng cùng kỳ.

Tính chung quý I năm 2023 doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 1.377,6 tỷ đồng, giảm 4,1% so với cùng kỳ. Khối lượng hàng hóa vận chuyển bằng đường bộ, đường thủy quý I ước đạt 9,6 triệu tấn, giảm 3,4%; số lượng hàng hóa luân chuyển ước đạt 1.043 triệu tấn km, tăng 5,7% so với cùng kỳ.

c) Dịch vụ bưu chính và chuyển phát

Hoạt động bưu chính và chuyển phát tiếp tục duy trì được mức tăng trưởng khá. Doanh thu dự kiến tháng 03 năm 2023 ước đạt 99,2 tỷ đồng, tăng 1,6% so với tháng trước và tăng 10,6% so với cùng kỳ. Tính chung quý I năm 2023, doanh thu hoạt động bưu chính và chuyển phát ước đạt 293,7 tỷ đồng, tăng 8,2% so với cùng kỳ năm 2022.

4.3. Hoạt động thông tin và truyền thông

Hoạt động thông tin và truyền thông tiếp tục giữ được đà tăng trưởng, tuy nhiên mức tăng trưởng có phần chậm hơn so với cùng kỳ các năm trước, chủ yếu do nhu cầu sử dụng dịch vụ viễn thông của người dân đang có xu hướng bão hòa.

Tổng doanh thu hoạt động thông tin và truyền thông quý I năm 2023 (giá hiện hành) ước đạt 3.752 tỷ đồng, tăng 7,3% so với cùng kỳ năm 2022, trong đó riêng lĩnh vực lập trình máy tính và dịch vụ có liên quan tăng hơn 15,4%. Kim ngạch xuất khẩu phần mềm 3 tháng ước đạt 36,5 triệu USD, đạt 25,0% kế hoạch năm và tăng 32,7% so với cùng kỳ⁵.

Quy mô VA toàn ngành (giá hiện hành) quý I năm 2023 ước đạt 2.100 tỷ đồng, mở rộng gần 153 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022; quy mô VA toàn ngành chiếm 6,8% trong cơ cấu GRDP, đây là ngành có chiếm tỷ trọng lớn thứ 4 trong khu vực dịch vụ, sau ngành thương mại (12,5%); ngành vận tải (11,3%); lưu trú, ăn uống (8,0%).

Tăng trưởng giá trị tăng thêm toàn ngành (giá so sánh 2010) quý I năm 2023 ước đạt 3,39%, đóng góp 0,39 điểm phần trăm vào tốc độ tăng GRDP chung. Trong đó, hoạt động viễn thông giảm 3,31%; lập trình máy tính và các dịch vụ liên quan tăng 17,03%; dịch vụ thông tin khác tăng 9,36% so với cùng kỳ năm 2022.

⁵ Số liệu do Sở Thông tin và Truyền thông cung cấp.

5. Hoạt động của doanh nghiệp

5.1. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Sau thời gian dài gồng mình chống dịch, khả năng chống chịu của doanh nghiệp bị bào mòn; sản xuất công nghiệp, xuất khẩu có xu hướng tăng chậm lại; sức ép lạm phát còn cao; lãi suất tăng nhanh tạo áp lực lớn về huy động vốn, tăng chi phí sản xuất; động lực thúc đẩy xuất khẩu tại các thị trường lớn gặp nhiều thách thức khi đơn hàng, thị trường xuất khẩu bị thu hẹp do sức cầu suy giảm...

Trước những diễn biến bất ổn của thị trường, cộng đồng doanh nghiệp đang đối diện với nhiều khó khăn, thách thức, nhiều doanh nghiệp phải lựa chọn giải pháp tạm ngừng hoạt động hoặc giải thể, khiến cho số lượng doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường có xu hướng gia tăng trong những tháng đầu năm 2023. Bên cạnh đó, số doanh nghiệp thành lập mới gia nhập thị trường và số doanh nghiệp tạm ngừng quay trở lại hoạt động đều có chỉ số giảm so với cùng kỳ năm 2022.

Số lượng doanh nghiệp thành lập mới gia nhập thị trường trong tháng 03 năm 2023 tăng trên 50% so với 02 tháng đầu năm, tuy nhiên so với cùng kỳ giảm mạnh cả về số lượng và quy mô nguồn vốn đăng ký. Tính từ 16/02 - 15/03/2023, thành phố đã cấp mới giấy chứng nhận đăng ký cho 413 doanh nghiệp, chi nhánh và văn phòng đại diện, với tổng vốn đăng ký đạt 1.692 tỷ đồng, giảm 9,6% về số doanh nghiệp và giảm 61,8% vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2022.

Tính chung quý I năm 2023 (từ ngày 01/01/2023 đến ngày 15/03/2023), thành phố đã cấp mới giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho 812 doanh nghiệp, chi nhánh và văn phòng đại diện, tổng vốn điều lệ đăng ký đạt 3.216 tỷ đồng; so với cùng kỳ giảm 7,8% về số doanh nghiệp và giảm 51,7% về số vốn đăng ký. Có 168 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể và rút lui khỏi thị trường kinh doanh, tăng 7,7% so với cùng kỳ.

Tình hình kinh tế gặp nhiều khó khăn sau đại dịch, nguồn cung khan hiếm, nguồn cầu sụt giảm đã đẩy nhiều doanh nghiệp đứng trước nguy cơ phá sản, nhất là những doanh nghiệp lệ thuộc phần lớn vào nguồn vốn vay. Tính từ đầu năm đến ngày 15/3/2023 số doanh nghiệp xin tạm ngừng hoạt động không ngừng tăng lên (2.231 doanh nghiệp), vượt xa con số đăng ký mới và quay trở lại hoạt động và tăng 47% so với cùng thời điểm năm 2022. Số lượng doanh nghiệp tạm ngừng quay trở lại hoạt động khá khiêm tốn (673 doanh nghiệp), giảm 42,2% so với cùng kỳ năm 2022.

5.2. Xu hướng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

Dựa trên kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của một số doanh nghiệp thuộc ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trên địa bàn quý I/2023 cho thấy, có 21,1% doanh nghiệp đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh quý I năm 2023 ổn định và tốt hơn so với quý IV năm 2022 và có đến 50,7% doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh khó khăn hơn. Tuy nhiên dự kiến quý II năm 2023,

có 42,3% doanh nghiệp lạc quan cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh sẽ ổn định và tốt hơn quý I; 25,4% doanh nghiệp dự báo tình hình sẽ còn tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức trong đó nhận định này thiên về khối doanh nghiệp ngoài nhà nước với tỷ lệ 31%.

Về khối lượng sản xuất: có 21,1% số doanh nghiệp đánh giá khối lượng sản xuất của doanh nghiệp quý I năm 2023 tăng so với quý IV năm 2022; 49,3% số doanh nghiệp đánh giá khối lượng sản xuất giảm xuống 29,6% số doanh nghiệp cho rằng khối lượng sản xuất ngành công nghiệp chế biến chế tạo kỳ báo cáo so với kỳ trước không thay đổi. Dự kiến quý tiếp theo có 43,7% số doanh nghiệp lạc quan vào thị trường tiêu thụ sẽ tăng lên làm gia tăng khối lượng sản xuất, 25,4% doanh nghiệp vẫn cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh sẽ tiếp tục suy giảm.

Về đơn đặt hàng: cùng với nhận định như khối lượng sản xuất, trong quý 1/2023 có đến gần 47% doanh nghiệp cho rằng tình hình đơn đặt hàng quý 1/2023 so với quý 4/2022 sẽ có sự sụt giảm. Tuy nhiên nhận định này trong quý 02/2023 đã giảm xuống còn 27,3% và có 39,4% số doanh nghiệp tin tưởng đơn đặt hàng sẽ tăng trong quý tiếp theo.

6. Giá cả thị trường

6.1. Chỉ số giá tiêu dùng(CPI)

Giá xăng dầu, giá gas trong nước giảm theo giá nhiên liệu thế giới, giá hàng hóa thực phẩm giảm trong tháng là những yếu tố chính làm cho chỉ số giá tiêu dùng (CPI) trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giảm so với tháng trước.

CPI tháng 03 năm 2023 giảm 0,16% so với tháng trước, tăng 7,21% so với cùng kỳ năm trước, tăng 1,74% so với tháng 12 năm 2022, tăng 14,06% so với kỳ gốc 2019. CPI bình quân 03 tháng năm 2023 tăng 8,65% so với bình quân cùng kỳ năm 2022. Trong đó, có 3/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm; 7/11 nhóm hàng có chỉ số giá tăng và 01/11 nhóm có giá bình ổn so với tháng trước.

Nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm so với tháng trước, đó là: hàng ăn và dịch vụ ăn uống (-0,74%); đồ uống và thuốc lá (-0,46%); giáo dục (-0,32%). Nguyên nhân nổi bật tác động làm CPI nhiều nhóm hàng hóa, dịch vụ giảm giá so với tháng trước phải kể đến: nhu cầu tiêu dùng của người dân không cao, đồng thời nguồn cung tăng do thời tiết tương đối thuận lợi làm cho giá nhóm hàng thực phẩm giảm 1,72%. Từ ngày 1/3/2023 giá gas trong nước điều chỉnh giảm mạnh, giảm 14 nghìn đồng/bình 12kg, giảm 2,85% so với tháng trước do sự điều chỉnh tăng của giá gas trong nước. Giá xăng dầu được điều chỉnh vào 03 ngày trong tháng (01/3, 13/3, 21/3 năm 2023) làm cho chỉ số giá dầu hỏa giảm 7,5%, nhóm nhiên liệu chung giảm 0,4%, trong đó xăng giảm 0,38%, dầu diesel giảm 8,21% theo sự điều chỉnh giá xăng dầu trong nước của chính phủ. Giá xăng dầu giảm là một trong các yếu tố chủ yếu làm giảm tốc độ của CPI tháng 03/2023, cũng là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến giá dịch vụ giao thông công cộng giảm, điển hình là giá dịch vụ các loại phương tiện đường sắt giảm 24,78%

so với tháng trước. Một số trường học áp dụng mức học phí mới làm cho giá dịch vụ giáo dục giảm 0,32% so với tháng trước. Giá điện, giá nước lần lượt giảm 2,05% và 1,2% so với tháng trước do nhu cầu sử dụng điện nước của người dân tháng này giảm.

Tháng 03/2023, CPI các nhóm tăng so với tháng trước, đó là: nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXD (+0,40%); hàng hóa và dịch vụ khác (+0,29%); bưu chính viễn thông (+0,27%); thiết bị và đồ dùng gia đình (+0,15%); văn hóa, giải trí, du lịch (+0,14%); may mặc, mũ nón, giày dép (+0,13%); thuốc và dịch vụ y tế (+0,11%). Nguyên nhân chính chủ yếu là các chủ nhà cho thuê áp dụng mức giá mới phù hợp theo giá cả thị trường làm cho giá nhà cho thuê tăng 0,66% so với tháng trước. Nhóm giá vật liệu xây dựng tăng 5,21% ở tháng này, chủ yếu do giá cát còn ở mức cao và một số vật liệu khác tăng giá do nguyên vật liệu đầu vào cao. Nhu cầu cưới, hỏi tăng cao làm cho giá dịch vụ hiếu hỉ tăng 1,25% so với tháng trước.

Trong tháng 3/2023, chỉ duy nhất nhóm giao thông có chỉ số giá tiêu dùng không biến động so với tháng trước.

Mặc dù với nhiều biện pháp quyết liệt trong điều hành giá cả, tuy nhiên CPI bình quân 03 tháng đầu năm 2023 vẫn tăng cao với 8,65% so với cùng kỳ năm trước, trong khi bình quân 03 tháng cùng kỳ năm 2022 tăng 0,33% do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ, có 09/11 nhóm có chỉ số giá tăng; 02/11 nhóm có chỉ số giá giảm so với cùng kỳ năm trước. Những nhóm hàng có chỉ số giá tăng cao hơn so với mức tăng chung, đó là: nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng (+21,59%); giáo dục (+11,5%). Những nhóm hàng có chỉ số giá tăng thấp hơn so với mức tăng chung: hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+7,64%); đồ uống và thuốc lá (+7,44%); may mặc, mũ nón và giày dép (+7,38%); thiết bị và đồ dùng gia đình (+6,79%); hàng hóa và dịch vụ khác (+6,01%); văn hóa giải trí và du lịch (+5,04%); thuốc và dịch vụ y tế (+1,18%). Bên cạnh đó, nhóm hàng có chỉ số giảm giá so với bình quân cùng kỳ năm trước là giao thông (-2,97%); bưu chính viễn thông (-0,78%).

6.2. Chỉ số giá vàng và đô la Mỹ

Chỉ số giá vàng giảm 0,9% so với tháng trước, giá vàng 99,99% tư nhân trong tháng 3 năm 2023 dao động từ 5.325 - 5.540 nghìn đồng/1chỉ, bình quân 5.403 nghìn đồng/1chỉ, tức bình quân giảm 50 nghìn đồng/1chỉ.

Giá đô la Mỹ ngoại thương chuyển khoản tháng 03/2023 dao động từ 2.374 - 2.399 nghìn đồng/100USD, bình quân 2.385,7 nghìn đồng/100USD, bình quân tăng 17,0 nghìn đồng/100USD nên chỉ số giá của nhóm này tăng 0,72% so với tháng trước.

Chỉ số giá vàng bình quân 03 tháng năm 2023 tăng 0,11%, chỉ số giá đô la Mỹ tăng 3,66% so với bình quân cùng kỳ năm trước.

6.3. Chỉ số giá sản xuất

Quý I năm 2023, chỉ số giá sản xuất (PPI) nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 7,84% so với cùng kỳ năm trước (quý I/2022, PPI nông, lâm thủy sản giảm

1,04% so với cùng kỳ), trong đó PPI nông nghiệp tăng 6,45%; lâm nghiệp tăng 9,17%; thủy sản tăng 9,72%. Nhìn chung PPI các lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đều có mức tăng cao hơn mức tăng cùng kỳ năm trước.

Chỉ số giá sản xuất công nghiệp quý I năm 2023 giảm 0,63% so với cùng kỳ năm trước (quý I/2022, PPI công nghiệp tăng 3,11% so với cùng kỳ), trong đó PPI sản phẩm khai khoáng tăng 4,59%; sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 1,70%; điện và phân phối điện tăng 16,60%; nước sạch, nước thải, xử lý nước thải, rác thải tăng 0,97%. Ngoại trừ PPI của sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo giảm thì PPI các sản phẩm còn lại đều có mức tăng cao hơn mức tăng cùng kỳ năm trước⁶.

Chỉ số giá cước vận tải, kho bãi quý I năm 2023 tăng 9,12% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng cao hơn mức tăng cùng kỳ năm trước (+1,53%), trong đó giá cước dịch vụ vận tải đường sắt, đường bộ tăng 5,52%; dịch vụ vận tải đường thủy tăng 14,53%; dịch vụ kho bãi và các dịch vụ liên quan đến hoạt động hỗ trợ cho vận tải tăng 1,37%; dịch vụ bưu chính và chuyển phát tăng 0,5%. Nhìn chung, chỉ số giá cước vận tải, kho bãi đều có mức tăng cao hơn mức tăng của cùng kỳ năm trước, ngoại trừ dịch vụ bưu chính và chuyển phát⁷.

Chỉ số giá sản xuất dịch vụ quý I năm 2023 tăng 5,59% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng cao hơn mức tăng cùng kỳ năm trước (+2,26%), trong đó: chỉ số giá sản xuất ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 9,30%; ngành thông tin và truyền thông tăng 5,00%; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 1,12%; hoạt động kinh doanh bất động sản tăng 6,55%; hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ tăng 0,55%; hoạt động hành chính và hỗ trợ tăng 12,49%; giáo dục và đào tạo tăng 7,50%; y tế và trợ giúp xã hội tăng 0,04%; nghệ thuật vui chơi và giải trí tăng 1,70%; hoạt động dịch vụ khác tăng 4,86%; hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình tăng 6,11% so với cùng kỳ năm trước.

Chỉ số giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng cho xây dựng quý I năm 2023 tăng 6,56% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng cùng kỳ năm trước (+7,62%), trong đó chỉ số giá dịch vụ xây dựng chuyên dụng tăng 3,43% so với cùng kỳ năm trước.

6.4. Chỉ số giá xuất, nhập khẩu hàng hóa

Chỉ số giá xuất khẩu hàng hóa quý I năm 2023 giảm 0,21% so với cùng kỳ năm trước⁸, một số nhóm hàng hóa được sản xuất tại Đà Nẵng có chỉ số giá xuất khẩu giảm đó là: sắt, thép giảm 18,95%; phân bón giảm 6,80%; nhóm sản phẩm từ hóa chất giảm 1,59%; hàng thủy sản giảm 0,80%. Bên cạnh đó, một số nhóm

⁶ Quý I năm 2022: PPI sản phẩm khai khoáng tăng 2,34%; sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 2,46%; điện và phân phối điện tăng 7,48%; nước sạch, nước thải, xử lý nước thải, rác thải tăng 0,63% so với cùng kỳ năm 2021.

⁷ Quý I năm 2022: giá cước dịch vụ vận tải đường sắt và đường bộ tăng 2,19%; vận tải đường thủy giảm 2,13%; dịch vụ kho bãi và các dịch vụ liên quan đến hoạt động hỗ trợ vận tải giảm 0,03%; dịch vụ bưu chính và chuyển phát tăng 1,37% so với cùng kỳ năm 2021.

⁸ Chỉ số giá xuất khẩu hàng hóa quý I năm 2022 tăng 7,51% so với cùng kỳ năm 2021.

hàng hóa có chỉ số giá xuất khẩu tăng, như: hàng may mặc tăng 4,36%; giày dép tăng 7,57%; máy tính và linh kiện điện tử tăng 6,71% so với cùng kỳ năm trước.

Chỉ số giá nhập khẩu hàng hóa quý I năm 2023 giảm 2,63% so với cùng kỳ năm trước. Trong khi đó, một số nhóm hàng hóa có chỉ số nhập khẩu tăng như: hàng thủy sản tăng 1,25%; lúa mì tăng 13,51%; thức ăn gia súc và nguyên liệu tăng 12,39% so với cùng kỳ năm trước.

Tỷ giá thương mại hàng hóa quý I năm 2023 tăng 2,48% so với cùng kỳ năm trước.

7. Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm

Hoạt động ngân hàng trong quý tiếp tục được đẩy mạnh với động thái nới room tín dụng vào ngày 5/12/2022 của NHNN lên 1,5-2%, cũng như việc tiếp tục thực hiện Gói hỗ trợ lãi suất 40.000 tỷ đồng cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo Chương trình phục hồi phát triển kinh tế - xã hội 2022-2023 của Quốc hội và Chính phủ.

Tăng trưởng toàn ngành quý I năm 2023 ước đạt 7,35% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 0,49 điểm phần trăm vào mức tăng chung. VA toàn ngành ước đạt hơn 1.784 tỷ đồng, chiếm 5,80% trong cơ cấu GRDP. Trong đó, hoạt động dịch vụ tài chính tăng 7,26%; hoạt động bảo hiểm tăng 8,17% so với cùng kỳ năm 2022.

Trước những bất ổn của thị trường tài chính toàn cầu trong thời gian qua và những ngày đầu tháng 3/2023, đòi hỏi ngành Ngân hàng phải đưa ra nhiều giải pháp cụ thể, cân đối hài hoà giữa nguồn lực và năng lực tài chính nhằm bảo đảm an toàn hệ thống.

- *Lãi suất huy động VNĐ*: tiền gửi không kỳ hạn và dưới 01 tháng phổ biến ở mức từ 0,1% - 0,5%/năm; kỳ hạn từ 01 tháng đến dưới 6 tháng ở mức 4,5% - 6,0%/năm; kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng ở mức 7,0% - 9,0%/năm; từ trên 12 tháng ở mức 7,5% - 9,5%/năm.

- *Lãi suất cho vay VNĐ*: Lãi suất cho vay ngắn hạn phổ biến ở mức 8,0 - 10,0%/năm, lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa VNĐ đối với các lĩnh vực ưu tiên là 5,5%/năm; Lãi suất cho vay trung dài hạn phổ biến ở mức khoảng 10% - 12%/năm.

7.1. Hoạt động huy động vốn

Ước tính đến quý I năm 2023, tổng huy động vốn của các TCTD trên địa bàn đạt 173.000 tỷ đồng, tăng 7,0% so với cùng kỳ và tăng 0,5% so với cuối năm 2022. Trong đó, tiền gửi VNĐ đạt 167.800 tỷ đồng, chiếm 97,0% tổng dư nợ huy động vốn, tăng 6,8% so với cùng kỳ và tăng 0,5% so với cuối năm 2022; tiền gửi ngoại tệ đạt 5.200 tỷ đồng, chiếm gần 3,0% tổng dư nợ huy động vốn, tăng 13,7% so với cùng kỳ và tăng 1,7% so với cuối năm 2022.

Huy động vốn tập trung chủ yếu là tiền gửi ngắn hạn, với mức huy động ngắn hạn đạt 150.850 tỷ đồng, chiếm 87,2% tổng huy động vốn, tăng 5,2% so với

cùng kỳ và tăng 0,2% so với cuối năm 2022; tiền gửi trung và dài hạn đạt 22.150 tỷ đồng, tăng 21,8% so với cùng kỳ và tăng 2,4% so với cuối năm 2022.

7.2. Hoạt động cho vay trên địa bàn

Ước tính cuối quý I năm 2023, dư nợ tín dụng các thành phần kinh tế trên địa bàn ước đạt 211.000 tỷ đồng, tăng 4,3% so với cùng kỳ và tăng 0,9% so với cuối năm 2022. Trong đó, dư nợ cho vay bằng đồng Việt Nam đạt 205.200 tỷ đồng, tăng 4,6% so với cùng kỳ và tăng 0,7% so với cuối năm 2022. Xét theo loại dư nợ tín dụng: dư nợ tín dụng trung, dài hạn đạt 119.000 tỷ đồng, chiếm 56,4% tổng dư nợ tín dụng, giảm gần 2,0% so với cùng kỳ và giảm 0,3% so với cuối năm 2022; dư nợ tín dụng ngắn hạn đạt 92.000 tỷ đồng, tăng 13,7% so với cùng kỳ và tăng 2,4% so với cuối năm 2022.

8. Ngân sách nhà nước

Hoạt động thu ngân sách Nhà nước trong ba tháng đầu năm 2023 tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn khi mức thu chỉ đạt 85,5% so với thời điểm cùng kỳ, trong khi các khoản chi ngân sách vẫn phải đảm bảo theo lộ trình nhằm đáp ứng các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý nhà nước, thanh toán các khoản nợ đến hạn cũng như chi trả kịp thời cho các đối tượng theo quy định.

Cập nhật sơ bộ đến ngày 20/3/2023 tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 5.123 tỷ đồng, giảm 14,6% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, thu ngân sách trung ương đạt 1.429 tỷ đồng, thu ngân sách địa phương đạt 3.694 tỷ đồng. Trong tổng thu ngân sách nhà nước, hoạt động thu nội địa tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn, một số nguồn thu giảm sâu như: khoản thu về nhà đất; thu từ các khu vực doanh nghiệp; thu từ thuế bảo vệ môi trường... Tính chung 03 tháng đầu năm 2023 thu nội địa đạt 4.108 tỷ đồng, giảm 10,6% so với năm trước; nhu cầu tiêu dùng toàn cầu giảm sút, nguồn cung bị gián đoạn... đã ảnh hưởng không nhỏ tới khoản thu cân đối từ hoạt động xuất, nhập khẩu, theo đó sơ bộ 03 tháng đầu năm chỉ đạt 691,3 tỷ đồng, bằng 57,5% so với cùng kỳ (tương ứng giảm gần 511 tỷ đồng); riêng các khoản thu khác đạt 324 tỷ đồng, tăng 61,9% so với cùng kỳ năm 2022 và chủ yếu tập trung ở khoản tạm thu ngân sách.

Tổng chi ngân sách nhà nước trên địa bàn sơ bộ đến 20/03/2023 đạt gần 7.780 tỷ đồng, tăng 14,3% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, chi đầu tư phát triển tăng mạnh, đạt 3.950 tỷ đồng, chiếm 50,8% trên tổng chi, tăng 16,0% so với cùng kỳ năm 2022. Hoạt động chi thường xuyên đạt 3.818,7 tỷ đồng, tăng 12,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó có một số khoản chi có mức tăng khá cao như: chi quốc phòng (+31%); chi cho sự nghiệp y tế, dân số và kế hoạch hoá gia đình (53,0%); chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình (+69,0%)...

9. Đầu tư

Khơi thông nguồn lực đầu tư công để dẫn dắt tăng trưởng trong môi trường nhiều bất định là một trong những mục tiêu mà Chính phủ đặt ra trong năm 2023. Với chủ đề được Thành phố lựa chọn cho năm 2023 là “Năm tập

trung khơi thông các nguồn lực, thu hút đầu tư, giữ vững tăng trưởng kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội” trong đó, nhiệm vụ trọng tâm là khơi thông và khai thác hiệu quả lợi thế và tiềm năng của thành phố, hướng đến các nguồn lực phát triển mới, từ đó giữ vững kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội. Tuy nhiên, tổng vốn đầu tư trên địa bàn phần lớn thuộc nguồn vốn ngoài ngân sách (thuộc đối tượng bị ảnh hưởng nặng nề từ đại dịch Covid-19 và tình hình kinh tế bất ổn thời gian qua) nên sự phục hồi năng lực sản xuất và mở rộng đầu tư, tái đầu tư khá chậm, ảnh hưởng không nhỏ đến tổng mức đầu tư chung toàn xã hội.

9.1. Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội

Kinh tế toàn cầu suy giảm; hàng loạt các vấn đề mới nảy sinh; tiềm năng, nội lực sẵn có chưa được phát huy; sức khỏe doanh nghiệp bị bào mòn sau khoảng thời gian dài hoạt động không hiệu quả bởi dịch bệnh và tác động từ những bất ổn của địa chính trị... đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như kế hoạch đầu tư, tái đầu tư của hầu hết các loại hình kinh tế. Trước tình hình sản xuất kinh doanh bị giảm sút, phần lớn các tổ chức, đơn vị sản xuất kinh doanh đều không mạnh dạn chi vốn để đầu tư trong giai đoạn này. Bên cạnh đó, phần lớn doanh nghiệp trên địa bàn là doanh nghiệp siêu nhỏ, vốn ít, chủ yếu dựa vào vốn vay, công nghệ lạc hậu, thiếu mặt bằng... Trong khi đó, việc tiếp cận các nguồn vốn vay như hiện nay là điều không dễ dàng đối với các doanh nghiệp, hộ cá thể; đồng thời những phiền hà, chông chéo về các thủ tục hành chính liên quan đến đất đai, xây dựng, đầu tư kinh doanh... đang thật sự tạo ra những khó khăn nhất định cho hoạt động tái đầu tư, đầu tư mới nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như đầu tư các dự án bất động sản, đô thị...

Riêng đối với công tác đầu tư công, giá trị đầu tư từ các dự án/công trình thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý có vai trò ngày càng quan trọng, trở thành động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố. Tuy nhiên, kết quả thực hiện vẫn chưa đáp ứng yêu cầu, tiến độ giải ngân vốn đầu tư công còn thấp...

Tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội trên địa bàn theo giá hiện hành quý I năm 2023 ước đạt 6.018 tỷ đồng, giảm lần lượt 31,4% so với quý trước và 22,3% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, so với cùng kỳ khu vực ngoài nhà nước (-20,1%); khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (-57,5%); riêng khu vực nhà nước tăng so với cùng kỳ năm trước (+1,8%) phần lớn từ giá trị đầu tư công mang lại.

Mặc dù vậy, khu vực ngoài nhà nước vẫn luôn là khu vực đóng góp quan trọng trong sự phát triển của nền kinh tế, giá trị thực hiện của vốn đầu tư luôn chiếm tỷ trọng khá cao trong tổng nguồn vốn và tăng dần qua các năm (quý 4 năm 2022: 54,0% và quý 1 năm 2023: 66,1%). Khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang có xu hướng giảm mạnh giá trị đầu tư thực hiện trên địa bàn so với hai khu vực còn lại.

a) Xét theo thành phần kinh tế

Khu vực nhà nước: Vốn đầu tư thực hiện khu vực nhà nước quý I năm

2023 ước đạt 1.484,5 tỷ đồng, tăng 1,8% so với cùng kỳ năm 2022. Động lực trong khu vực này là vốn đầu tư từ các dự án, công trình đầu tư công. Lãnh đạo thành phố tiếp tục xác định đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm. Chính vì vậy, ngay từ đầu năm thành phố đã khẩn trương yêu cầu công khai và phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 theo quy định cho các nhiệm vụ, dự án để có cơ sở triển khai thực hiện và giải ngân từ đầu năm 2023; đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án kết cấu hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội, các công trình động lực, trọng điểm...

Lũy kế 3 tháng đầu năm 2023, khối lượng thực hiện vốn đầu tư công ước đạt 859,5 tỷ đồng, tăng 49,3% so với cùng kỳ năm trước và tương đương 15,2% kế hoạch vốn được giao. Trong đó, vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh ước đạt 831,9 tỷ đồng (tương đương 15,2% kế hoạch vốn) và vốn ngân sách nhà nước cấp huyện ước đạt 27,6 tỷ đồng (tương đương 14,2% kế hoạch vốn).

Khu vực ngoài nhà nước: là khu vực có vốn đầu tư thực hiện chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng vốn thực hiện trên địa bàn. Trong quý 1 năm 2023, giá trị vốn đầu tư thực hiện của khu vực này ước đạt 3.977,4 tỷ đồng, giảm 16% so với quý trước và giảm 20,1% so với quý 1 cùng kỳ năm trước. Một số trường hợp giảm mạnh như Tổng công ty CP Dệt May Hòa Thọ; Công ty TP Thành Quân; Công ty TNHH Phần mềm FPT Miền Trung, Công ty CP Bình Vinh...

Trong điều kiện những khó khăn và biến động về tình hình kinh tế như hiện nay, các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố đã đề xuất tạo điều kiện cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận nguồn vốn, các dự án đầu tư; đẩy nhanh đầu tư hạ tầng, tăng quỹ đất để mở rộng sản xuất nhằm hỗ trợ nguồn lực cho doanh nghiệp phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh. Tiếp thu các ý kiến của doanh nghiệp, thành phố sẽ tập trung các nhiệm vụ, giải pháp để giữ vững tăng trưởng; phối hợp với các sở, ngành tháo gỡ các khó khăn liên quan đến đất đai, quy hoạch, thủ tục đầu tư; thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.... Đặc biệt, Đà Nẵng sẽ tập trung giải quyết dứt điểm các vướng mắc, tiên tiến khởi công triển khai đầu tư một số dự án động lực, trọng điểm như: Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng và giải trí tổng hợp Làng Vân; Dự án Trung tâm phần mềm và công nghệ cao Viettel Đà Nẵng; Dự án Khu công nghệ thông tin Đà Nẵng Bay; Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm dịch vụ logistics tại huyện Hòa Vang của Công ty CP Cảng Đà Nẵng; Dự án Trung tâm chia chọn tại Khu công nghiệp Liên Chiểu...góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trên địa bàn Thành phố cũng như khu vực Miền trung Tây nguyên.

Khu vực vốn đầu tư nước ngoài (FDI): Kinh tế thế giới bất ổn, tình hình lạm phát tăng cao, chính sách tiền tệ ngày càng thắt chặt...đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế trong đó khu vực FDI bị tác động khá nghiêm trọng. Nhiều doanh nghiệp FDI cắt giảm khá nhiều nguồn vốn tái đầu tư và đầu tư mới nhằm bù đắp các khoản thâm hụt và duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngắn hạn. Đơn cử như Công ty TNHH Mabuchi Motor Đà Nẵng; Công ty TNHH ODK Mikazuki Việt Nam; Công ty TNHH Fujikura Automotive Việt Nam; Công ty TNHH Kinh doanh Miền thuế

Lotte Phú Khánh... Dự ước 3 tháng đầu năm 2023 giá trị vốn đầu tư thực hiện khu vực này ước đạt 555,9 tỷ đồng, giảm 57,5% so với cùng kỳ năm trước.

b) Xét theo khoản mục đầu tư

Việc thiếu vốn, hoạt động sản xuất kinh doanh trì trệ, nguyên vật liệu xây dựng khan hiếm và tăng giá, thủ tục hành chính về đất đai, đầu tư dự án còn nhiều vướng mắc, bất cập... là các yếu tố ảnh hưởng lớn đến đầu tư mua sắm tài sản cố định; sửa chữa, nâng cấp tài sản cố định và xây dựng cơ bản của các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh cá thể. So với cùng kỳ năm 2022, vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn giảm ở tất cả các khoản mục đầu tư, cụ thể: khoản mục đầu tư xây dựng cơ bản ước đạt 4.863,1 tỷ đồng (-25,2%); mua sắm tài sản cố định không qua xây dựng cơ bản ước đạt 858,1 tỷ (-8,1%); sửa chữa lớn, nâng cấp tài sản cố định ước đạt 195,2 tỷ đồng (-32,1%) và bổ sung vốn lưu động dưới dạng hiện vật bằng vốn tự có ước đạt 0,5 tỷ đồng (-97,3%).

c) Xét theo mục đích đầu tư

Hầu hết các ngành đều giảm trong quý I năm 2023 so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, giảm sâu nhất là ngành xây dựng (-52,0). Ngoài những khó khăn như tiền nhân công, sắt thép... tăng giá, các chủ đầu tư tại thành phố Đà Nẵng còn đối mặt với vấn đề không có cát để xây dựng, không chỉ những dự án tư nhân, một số dự án công trên địa bàn cũng bị chậm tiến độ vì thiết hụt nguồn nguyên vật liệu xây dựng. Bên cạnh đó là tình trạng đóng băng dài hạn của ngành bất động sản do nợ xấu tăng, chính sách tiền tệ bị siết chặt, các vấn đề về chính sách mới liên quan đến thị trường bất động sản... cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động đầu tư của ngành này.

Bên cạnh đó, vẫn có một số điểm sáng về tăng trưởng giá trị đầu tư ở các ngành như: ngành Dịch vụ lưu trú và ăn uống (+108%); ngành Cung cấp nước, hoạt động quản lý nước thải, rác thải (+112,4%) và ngành Nghệ thuật, vui chơi và giải trí (138,3%). Trong đó, ngành Dịch vụ lưu trú, ăn uống và ngành Nghệ thuật, vui chơi và giải trí đang được tăng cường đầu tư nhằm đáp ứng yêu cầu vui chơi, giải trí của người dân, khách du lịch trong và ngoài nước trong giai đoạn hiện nay cũng như thời gian tới như: dự án Công viên Châu á (giai đoạn 2), các dự án thuộc khu du lịch Bà Nà Hills, dự án Khu du lịch và giải trí Silver Shores... Đối với ngành Cung cấp nước, hoạt động quản lý nước thải, rác thải, giá trị đầu tư của ngành được tăng từ các dự án trọng điểm của đầu tư công được đẩy mạnh tiến độ như: dự án Xây mới Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh 5.000m³/ngày đêm (giai đoạn 2); Xây dựng hệ thống thu gom nước thải riêng và các tuyến công chuyển nước mưa về sông Hàn cho lưu vực từ đường Hồ Xuân Hương đến giáp tỉnh Quảng Nam; Cải tạo, xây dựng hệ thống thoát nước mưa trên địa bàn quận Thanh Khê và Liên Chiểu...

9.2. Thu hút đầu tư trong và ngoài nước

Thu hút đầu tư trong nước, tính đến 15/03/2023, thành phố đã cấp giấy chứng nhận đầu tư cho 04 dự án trong nước với tổng vốn đăng ký 1.505 tỷ đồng, giảm 33,3% số dự án và chỉ bằng 56,9% tổng vốn đăng ký so với cùng kỳ năm

2022. Nguyên nhân số vốn đăng ký năm 2023 đạt thấp so với năm 2022 là do trong 03 tháng đầu năm 2023 Thành phố đã cấp giấy chứng nhận đầu tư cho 01 dự án có tổng mức vốn đăng ký khá cao, dự án Tổ hợp căn hộ bên bờ sông Hàn nằm ngoài Khu công nghiệp với tổng vốn đăng ký 1.325 tỷ đồng.

Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), tính đến 15/03/2023, thành phố đã cấp mới chứng nhận cho 28 dự án FDI với tổng vốn đăng ký 4,46 triệu USD (so với cùng kỳ tăng 23 dự án nhưng giảm 18,8% về số vốn đăng ký); có 09 lượt nhà đầu tư nước ngoài góp vốn mua cổ phần với tổng giá trị góp vốn 1,5 triệu USD (so với cùng kỳ tăng 02 dự án và tăng 235,7% giá trị vốn góp); có 06 dự án điều chỉnh tăng vốn với phần vốn tăng thêm 1,9 triệu USD (so với cùng kỳ tăng 05 dự án và tăng 94,6% giá trị vốn tăng thêm).

9.3. Tình hình triển khai một số công trình trọng điểm

Dự án Hạ tầng Cụm công nghiệp Cẩm Lệ: Đây là một trong những dự án kỳ vọng thu hút được nhiều nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước. Tuy nhiên, tình hình triển khai dự án vẫn còn chậm trễ so với kế hoạch đề ra. Lũy kế từ khi khởi công đến nay dự án ước đạt 163,5 tỷ đồng bằng 65,4% tổng mức đầu tư, trong đó tính riêng quý I năm 2023 dự kiến thực hiện được 25,5 tỷ đồng.

Dự án Xây dựng trạm xử lý nước thải Hòa Xuân (giai đoạn 3): Công trình được khởi công từ ngày 01/4/2022, đến nay khối lượng thi công ước đạt trên 45,4% khối lượng hợp đồng. Dự án có tổng mức đầu tư là 589,8 tỷ đồng, xây dựng với công suất 60.000 ngày/đêm, nâng công suất trạm xử lý nước thải Hòa Xuân lên 120.000m³/ngày đêm. Dự kiến công trình sẽ hoàn thành phần xây dựng vào tháng 03/2023, phân lắp đặt thiết bị vào tháng 06/2023 và bắt đầu vận hành chạy thử vào tháng 10/2023. Tính đến cuối quý báo cáo dự án ước thực hiện 267,7 tỷ đồng, trong đó dự kiến quý I năm 2023 thực hiện được 91,1 tỷ đồng.

Dự án Cao ốc phức hợp Nguyễn Kim: Dự án Trung tâm cao ốc phức hợp Nguyễn Kim đã tái khởi động và chính thức khởi công xây dựng vào quý IV/2022 với tổng mức đầu tư 2.272 tỷ đồng do Công ty Cổ phần Thương mại Nguyễn Kim Đà Nẵng làm chủ đầu tư. Dự án bao gồm 3 công trình chính: xây mới chợ - siêu thị Đà Nẵng quy mô 5 tầng phục vụ việc mua bán của tiểu thương chợ siêu thị Đà Nẵng; siêu thị điện máy Nguyễn Kim quy mô 5 tầng là một trong chuỗi các siêu thị điện máy của Nguyễn Kim trên toàn quốc và trung tâm cao ốc phức hợp Nguyễn Kim với quy mô 1 tầng hầm và 12 tầng lầu là công trình đa chức năng gồm thương mại, dịch vụ, rạp chiếu phim, văn phòng cho thuê, căn hộ, khách sạn. Lũy kế từ khi khởi công đến nay dự án ước thực hiện đạt 198,8 tỷ đồng, bằng 8,8% tổng mức đầu tư.

Dự án Lâu đài Bà Nà: Dự án lâu đài Bà Nà được biết đến như một điểm nhấn thu hút khách du lịch trong nước và nước ngoài khi đến thăm Việt Nam. Lâu đài Bà Nà là hiện thực hóa của ý tưởng tái hiện một Làng Pháp cổ kính mang phong vị của thế kỷ 20 trong cảnh thiên nhiên tuyệt sắc, với khí hậu bốn mùa thay đổi trong một ngày trên đỉnh Bà Nà. Dự án đang được thực hiện đúng kế hoạch, nhằm đảm bảo tiến độ hoàn thành. Tính đến nay, khối lượng dự án ước

thực hiện được 51,% tổng mức đầu tư (3.721,3 tỷ đồng), giá trị thực hiện tương đương 1.910,0 tỷ đồng. Tính riêng quý I năm 2023 dự án ước thực hiện đạt 100 tỷ đồng.

Dự án đầu tư bãi sau cầu 4,5 Cảng Tiên Sa: Cảng Đà Nẵng hiện là một cảng biển tổng hợp quốc gia, đầu mối khu vực của Việt Nam nằm trong nhóm cảng Trung Trung Bộ Việt Nam, đang được quy hoạch để trở thành một cảng cửa ngõ quốc tế trong tương lai. Dự án có tổng mức đầu tư 373 tỷ đồng được triển khai trên nền diện tích là 37.415 m². Quy mô xây dựng gồm kè sau cầu, kè bãi, san lấp, bãi container, đường nội bộ, hạ tầng cấp điện nước và đầu tư 04 ERTG để thực hiện khai thác bãi. Tính từ khi khởi công đến cuối quý báo cáo giá trị vốn đầu tư của dự án ước thực hiện 111,5 tỷ đồng, trong đó quý I năm 2023 dự kiến thực hiện 13,5 tỷ đồng.

10. Xuất, nhập khẩu hàng hóa

Nhu cầu tiêu dùng toàn cầu giảm sút rõ rệt trong những tháng cuối năm 2022 và đầu năm 2023 đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động xuất khẩu hàng hóa trong nước. Tuy nhiên với những yếu tố tích cực từ: các Hiệp định FTA tiếp tục được thực thi theo lộ trình cắt giảm thuế quan; thu hút đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài tích cực, sẽ là động lực tạo thêm năng lực sản xuất mới cho xuất khẩu trong thời gian đến.

Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa hai chiều tháng 02 đạt 299,3 triệu USD, tăng 10,5% so với cùng kỳ năm 2022. Dự kiến tháng 03 năm 2023 ước đạt 234,5 triệu USD, tăng 2,3% so với tháng trước nhưng giảm 17,7% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu ước đạt 152 triệu USD, giảm 13,6% so với cùng kỳ; kim ngạch nhập khẩu ước đạt 82,5 triệu USD, giảm 24,4%. Cán cân thương mại hàng hóa duy trì xuất siêu 69,5 triệu USD.

Tính chung quý I năm 2023, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hai chiều ước đạt 661,4 triệu USD, giảm 16,8% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, giá trị hàng xuất khẩu ước đạt 427,3 triệu USD, giảm 10,4%; giá trị hàng nhập khẩu ước đạt 234,1 triệu USD, giảm 26,3%. Cán cân thương mại hàng hóa quý I dự kiến tiếp tục duy trì xuất siêu khoảng 193,2 triệu USD.

Nhìn chung, những bất ổn từ tình hình thế giới đã tác động rất lớn đến hoạt động xuất nhập khẩu trong nước nói chung và trên địa bàn thành phố Đà Nẵng nói riêng trong những tháng cuối năm 2022 và các tháng đầu năm 2023. Cầu hàng hoá suy giảm; các chuỗi cung ứng hàng hóa bị gián đoạn; cước vận tải, giá nguyên, nhiên, phụ liệu đầu vào phục vụ sản xuất... tăng cao; chính sách tiền tệ thắt chặt là những nguyên nhân chính làm cho tình hình xuất nhập khẩu hàng hoá trong 3 tháng đầu năm 2023 suy giảm, đặc biệt suy giảm ở các nhóm hàng hoá chủ lực như: linh kiện điện tử; giày da; thủy sản... Tuy nhiên, với lợi thế là một trong ít quốc gia có độ mở lớn, có nhiều Hiệp định FTA đã ký kết và có hiệu lực cùng với chính sách thu hút đầu tư trong và ngoài nước... sẽ là động lực tạo thêm năng lực sản xuất mới cho xuất khẩu nhằm giữ vững tốc độ tăng trưởng cả năm cao hơn so với cùng kỳ năm trước.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. Lao động và việc làm

1.1. Lĩnh vực lao động

Dự báo thị trường lao động quý I năm 2023 chịu nhiều rủi ro và thách thức, lực lượng lao động, số người có việc làm trong quý I/2023 giảm so với quý IV/2022 và tăng so với cùng kỳ năm trước. Thành phố chủ động nắm bắt tình hình biến động của thị trường lao động, từ đó, kịp thời có những biện pháp kết nối cung - cầu lao động, hỗ trợ doanh nghiệp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động.

Theo kết quả điều tra lao động việc làm, sơ bộ trong quý I năm 2023, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên tại thành phố Đà Nẵng khoảng 638,4 nghìn người, tăng 2,7% so với cùng kỳ và giảm 2,5% so với quý IV năm 2022. So với quý IV/2022, lực lượng lao động ở khu vực thành thị giảm 0,1% (tương ứng giảm 692 người); khu vực nông thôn giảm 16,5% (tương ứng 15.887 người); lực lượng lao động nam và nữ giảm trên con số 2%. So với cùng kỳ năm trước, lực lượng lao động ở khu vực thành thị tăng 5,5% (tương ứng 29.116 người), trong khi đó khu vực nông thôn giảm 13,2% (tương ứng 12.194 người); lực lượng lao động nam và nữ tăng lần lượt là 2,6% và nữ 2,9%.

Lao động 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế sơ bộ quý I năm 2023 đạt 626,8 nghìn người, tăng 5,6% so với cùng kỳ và giảm 2,8% so với quý IV năm 2022. Trong đó, lao động đang làm việc tại khu vực thành thị tăng 7,7% so với cùng kỳ và giảm 0,6% so với quý IV/2022; khu vực nông thôn giảm lần lượt 7,1% và 16,2% so với quý I/2022 và quý IV/2022.

Trong quý I/2023, tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh ở một số ngành nghề liên tục gặp khó khăn điều này khiến việc làm của người lao động bị ảnh hưởng tiêu cực. Thực tế thấy rằng, một số doanh nghiệp tại thành phố Đà Nẵng bị cắt giảm đơn hàng, người lao động đang làm việc bị cắt giảm giờ làm hoặc giảm việc làm.

Thu nhập của người lao động làm công hưởng lương đã có những chuyển biến tích cực rõ nét: cụ thể, thu nhập bình quân của người làm công hưởng lương trong quý I năm 2023 sơ bộ đạt 8.224,2 nghìn đồng/người/tháng, bằng 116,9 % so với cùng kỳ và bằng 111,9% so với quý IV năm 2022. Trong đó, thu nhập của người làm công hưởng lương ở khu vực thành thị tăng cao hơn so với khu vực nông thôn (khu vực thành thị tăng lần lượt: 18,9% và 12,5% so với quý I/2022 và quý IV/2022; khu vực nông thôn tăng lần lượt: 2,6% và 4,5% so với quý I/2022 và quý IV/2022).

Tỷ lệ lao động phi chính thức quý I/2023 sơ bộ đạt khoảng 48,5%, trong đó khu vực thành thị là 47,7% và khu vực nông thôn là 53,8%. (Tỷ lệ này đối với cùng kỳ tương ứng: 52,9%; 51,8%; 59,9% và đối với quý IV/2022 tương ứng: 51,7%; 51,7% và 51,8%).

Tỷ lệ lực lượng lao động đã qua đào tạo quý I năm 2023 đạt 50,2% cao

hơn tỷ lệ 43,8% của quý cùng kỳ và thấp hơn tỷ lệ 52,8% quý IV/2022.

Trước bối cảnh như hiện tại, thành phố cần đưa ra nhiều giải pháp cấp bách để doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn, giữ chân người lao động. Tăng cường hỗ trợ người lao động vượt khó, ở lại thị trường hoặc sớm trở lại thị trường; tăng khả năng thích nghi, khả năng chống chịu cho người lao động trước khủng hoảng, biến động của thị trường. Và quan trọng hơn nữa, cần có những chính sách thu hút đầu tư và tiền lương thỏa đáng để khuyến khích người lao động làm việc và cống hiến.

1.2. Giải quyết việc làm

Tổ chức 07 phiên giao dịch việc làm, số lượt doanh nghiệp tham gia là 786 đơn vị, tổng số lượt vị trí cần tuyển tại các phiên giao dịch là 40.508 lượt người; giải quyết việc làm cho 357 lao động. Đối với Chương trình cho vay vốn giải quyết việc làm, hiện nay tổng nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm hiện đang quản lý, điều hành là 2.794.192 triệu đồng, trong đó cho vay đến tháng 02/2023 là 163.375 triệu đồng với 2.488 dự án, góp phần giải quyết việc làm cho 2.529 lao động, bình quân mỗi lao động được vay trên 64 triệu đồng. Tổng các thành phần kinh tế trên địa bàn thành phố ước tạo việc làm cho 6.287 lao động; trong đó, có 4.294 vị trí việc làm tăng thêm.

Về cấp phép cho người lao động nước ngoài: thực hiện cấp mới 127 giấy phép, cấp lại 14 giấy phép, xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động 6 trường hợp. Cấp giấy phép lao động cho 57 người, trong đó: nhà quản lý: 7, giám đốc điều hành: 1, chuyên gia: 18, lao động kỹ thuật: 31. Triển khai các nội dung về việc phối hợp triển khai kế hoạch tuyển chọn thực tập sinh nam đi thực tập kỹ thuật tại Nhật Bản Đợt 01/2023.

Về lĩnh vực an toàn lao động: thực hiện tiếp nhận đăng ký khai báo thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về ATLĐ của các doanh nghiệp. các nhà thầu thi công công trình xây dựng, chủ đầu tư... tăng cường thực hiện công tác An toàn vệ sinh lao động và báo cáo tình hình lao động trở lại làm việc sau Tết Nguyên đán.

Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động, BHXH cho người lao động, người sử dụng lao động trên địa bàn thành phố năm 2023.

Phối hợp với Trường Đại học Ngoại ngữ thành phố Đà Nẵng tổ chức ngày hội việc làm cho sinh viên vào ngày 24/3/2023. Hiện nay, sự đòi hỏi ngày càng cao của thị trường lao động thúc đẩy các trường tăng cường cho sinh viên tiếp cận thực tế, chủ động chuẩn bị kỹ năng cần thiết đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp. Học tập dựa trên công việc thực tế là điều vô cùng cần thiết đối với việc đào tạo hiện nay, đặc biệt là sinh viên thuộc khối ngành kinh doanh, quản trị bởi vì môi trường kinh doanh thay đổi rất nhanh. Công nghệ góp phần rút ngắn khoảng cách giữa nhà tuyển dụng với các ứng viên tìm việc. Thậm chí, nhiều sàn giao dịch việc làm trực tuyến đã kết nối cơ hội việc làm từ xa, giúp người lao động có cơ hội sàng lọc, cân nhắc và lựa chọn công việc đúng nhu cầu, sở thích cá nhân.

2. Thực hiện chính sách Đền ơn đáp nghĩa và Bảo trợ xã hội

2.1. Công tác Đền ơn đáp nghĩa

Để nâng cao hiệu quả phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, thành phố tổ chức nhiều mô hình, hoạt động hướng về cơ sở phù hợp điều kiện thực tế của địa phương, qua đó tạo được ấn tượng sâu sắc trong các tầng lớp nhân dân và thân nhân các gia đình chính sách.

Nhân dịp tết Nguyên đán Quý Mão 2023, thành phố chi quà Tết của Chủ tịch nước cho 25.684 đối tượng chính sách, tổng kinh phí gần 7,9 tỷ đồng, với 2 mức 600 nghìn đồng và 300 nghìn đồng. Chi quà của UBND thành phố cho 41.745 lượt đối tượng chính sách, kinh phí hơn 26,3 tỷ đồng, trong đó, mức quà cao nhất 2.500 nghìn đồng, mức quà thấp nhất 550 nghìn đồng. Ngoài ra, theo Kế hoạch số 221/KH-UBND ngày 27/12/2022, UBND thành phố hỗ trợ thêm quà Tết 2023 mức 500 nghìn đồng cho các đối tượng, hộ gia đình theo Phụ lục I, II Nghị quyết số 275/2019/NQ-HĐND (mỗi hộ hoặc cá nhân chỉ nhận 01 suất duy nhất). Đồng thời, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan chuẩn bị quà Tết cho các cấp lãnh đạo thành phố đi thăm và tặng quà các đơn vị, địa phương, gia đình người có công với cách mạng tiêu biểu, thường xuyên ốm đau; gặp mặt chức sắc tôn giáo.

Rà soát, tổng hợp nhu cầu sửa chữa, xây mới nhà ở đối với người có công cách mạng năm 2023 của các địa phương; gồm có 471 nhà ở, trong đó sửa chữa 354 nhà, xây mới 117 nhà. Trên cơ sở rà soát, đề nghị của các quận, huyện về việc điều dưỡng đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ năm 2023, đã ban hành quyết định với số lượng 6.071 người, kinh phí gần 10,6 tỷ đồng. Đồng thời, đăng ký điều dưỡng tập trung tại Trung tâm điều dưỡng Người có công miền Trung và các Trung tâm điều dưỡng: Quảng Bình, Lâm Đồng, Khánh Hòa, Bình Định với số lượng 1.037 người. Phê duyệt danh sách và kinh phí người có công thuộc diện cấp tiền mua phương tiện trợ giúp dụng cụ chỉnh hình đến niên hạn năm 2023 của quận, huyện.

2.2. Công tác giảm nghèo và công tác bảo trợ xã hội

a) Công tác giảm nghèo

Hướng dẫn các địa phương triển khai lập danh sách mua BHYT cho người nghèo, cận nghèo, thoát nghèo năm 2023; giám sát các địa phương trong thực hiện hỗ trợ cho người nghèo nhân Tết Nguyên đán năm 2023. Thành phố đã tổ chức hướng dẫn thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu về tỷ lệ nghèo đa chiều thực hiện xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu; hướng dẫn cập nhật dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo chuẩn Trung ương và lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo để hỗ trợ dịch vụ viễn thông phổ cập.

Nhằm lan tỏa giá trị nhân văn, cuộc vận động “Mỗi tổ chức, mỗi cá nhân gắn với một địa chỉ nhân đạo” năm 2023 đã thu hút nhiều đảng viên, người dân tích cực tham gia. Thông qua việc làm ý nghĩa này đã lan tỏa tinh thần “lá lành đùm lá rách, lá rách ít đùm lá rách nhiều”, giúp đỡ và động viên các hộ gia đình

nghèo khó vươn lên trong cuộc sống.

b) Công tác bảo trợ xã hội

Nhân dịp Tết 2023, tổ chức Kế hoạch thăm các cơ sở bảo trợ xã hội, thăm tết, nắm tình hình triển khai hỗ trợ tết Nguyên Đán cho các đối tượng trên địa bàn thành phố. Cấp thẻ BHYT năm 2023 cho các đối tượng đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở bảo trợ xã hội. Hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết số 93/2022/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 của HĐND thành phố về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của HĐND thành phố về việc thông qua mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội và mở rộng đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Công tác xử lý người lang thang xin ăn: Tăng cường kiểm tra, xử lý tình trạng người lang thang, xin ăn dịp trước, trong và sau Tết Nguyên đán và trong dịp thành phố tổ chức Lễ hội Quán Thế Âm, Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng năm 2023 từ ngày 08/3 đến 10/3/2023. Tổ xử lý thông tin người lang thang xin ăn đã tiếp nhận tập trung 39 đối tượng vào cơ sở trợ giúp xã hội và Bệnh viện Tâm thần gồm: 10 trường hợp tâm thần, 14 trường hợp xin ăn, 11 trường hợp lang thang không nơi cư trú và 04 trường hợp xin ăn biến tướng (trong đó: 09 trường hợp là người Đà Nẵng, 27 trường hợp là người ngoại tỉnh, 03 đối tượng không xác định địa chỉ).

2.3. Công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em

Thực hiện Thông tư số 13/2021/TT-BLĐTBXH ngày 30/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về ban hành Bộ chỉ tiêu thống kê về tình hình trẻ em và tình hình xâm hại trẻ em, xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi xâm hại trẻ em, thành phố ban hành Công văn triển khai đến các đơn vị, địa phương. Để bảo vệ trẻ em trước vấn nạn xâm hại tình dục, hiện nay tại các trường học, các ngành chức năng của thành phố đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tổ chức nhiều hoạt động thiết thực, nâng cao nhận thức, kỹ năng cho học sinh trước vấn nạn xâm hại tình dục.

Giám sát việc tổ chức khảo sát của tổ chức Tầm nhìn thế giới về lao động trẻ em tại các địa bàn dự án; ký kết kế hoạch phối hợp công tác trẻ em năm 2023 với Hội Từ thiện và Bảo vệ quyền trẻ em thành phố. Tiếp tục triển khai các hoạt động của dự án “Phòng chống các hình thức lao động trẻ em trong môi trường làm việc độc hại, nguy hiểm” do tổ chức Tầm nhìn thế giới tại Việt Nam tài trợ.

Quỹ Bảo trợ trẻ em thành phố triển khai, thực hiện các hoạt động giúp đỡ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn với tổng kinh phí trên 200 triệu đồng.

Công tác Bình đẳng giới: Xây dựng Kế hoạch hoạt động công tác Bình đẳng giới năm 2023.

2.4. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội

Cơ quan chức năng tại thành phố Đà Nẵng triệt phá đường dây ma túy mới có tên ma túy “nước biển” và bắt giữ nhiều đối tượng liên quan. Trong thời gian

qua, xuất hiện nhiều dạng ma túy mới, “núp bóng” pha trộn, đóng gói dưới dạng thực phẩm, đồ uống, thuốc lá điện tử, thảo mộc. Ma túy dạng “nước biển” là dạng ma túy mới, lần đầu tiên được phát hiện trên địa bàn thành phố.

Trong quý I năm 2023, đã lập hồ sơ cai nghiện tại gia đình, cộng đồng cho 04 người, nâng tổng số người được tổ chức cai nghiện lên 17 người. Hiện toàn thành phố có 17 người đang cai nghiện tại gia đình, cộng đồng, trong đó có việc làm 05 người, chiếm tỷ lệ 29,4%. Cơ sở xã hội Bầu Bàng cũng đã tiếp nhận đưa vào cắt cơn nghiện, tổ chức cai nghiện ma túy cho 85 người nghiện (14 người cai nghiện tự nguyện); giải quyết cho về 86 người. Hiện Cơ sở đang quản lý, cai nghiện, giáo dục, dạy nghề cho 354 học viên.

Xây dựng Kế hoạch kiểm tra, khảo sát một số tuyến đường có hiện tượng người bán dâm đứng đường đón khách năm 2023. Phối hợp với Đội kiểm tra liên ngành 178 thành phố, các cơ quan chức năng của các quận, huyện tiến hành kiểm tra các cơ sở kinh doanh dịch vụ và các tuyến đường có hoạt động mại dâm nhằm ngăn ngừa và xử lý kịp thời đối tượng hoạt động mại dâm tại các khu vực này. Kết quả, đã tiến hành kiểm tra 16 cơ sở kinh doanh dịch vụ, đề nghị các quận thanh tra, kiểm tra 04 cơ sở vì không chấp hành.

3. Giáo dục - Đào tạo

Các nhiệm vụ chủ yếu trong tháng của Ngành giáo dục thành phố là triển khai thực hiện các công việc: Chấm phúc khảo Kỳ thi học sinh giỏi lớp 9, lớp 12 cấp thành phố. Thành lập các hội đồng lựa chọn sách giáo khoa lớp 4, lớp 8, lớp 11; thành lập Hội đồng và tổ chức xét đề nghị danh hiệu Nhà giáo Ưu tú, Nhà giáo Nhân dân lần thứ 16 năm 2023; trình Bộ GDĐT phê duyệt Tài liệu Giáo dục địa phương lớp 10 lần 2. Tham gia Cuộc thi Khoa học kỹ thuật học sinh trung học cấp quốc gia năm học 2022-2023. Tổ chức thi học viên giỏi lớp 12 GDTX.

Xây dựng kế hoạch tổ chức thi tuyển sinh lớp 10 THPT năm học 2023-2024. Tổ chức Ngày hội “Học sinh tiểu học cấp thành phố”. Khảo sát tiết dạy của giáo viên tham gia Hội thi “Giáo viên dạy giỏi bậc trung học cấp thành phố”. Kiểm tra đánh giá và thẩm định trường mầm non đạt chuẩn quốc gia; hoạt động giáo dục tại các đơn vị, trường học; tình hình các trung tâm ngoại ngữ, tin học, giáo dục kỹ năng sống và các công ty, tổ chức hoạt động tư vấn du học.

Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 sẽ diễn ra trong tháng 6/2023, hiện nay, các trường THPT đẩy mạnh hoạt động tư vấn, tăng cường hướng dẫn học sinh ôn tập, phụ huynh cũng đồng hành con em bảo đảm sức khỏe nhằm có kết quả tốt trong kỳ thi tốt nghiệp THPT.

4. Y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng

4.1. Tình hình dịch bệnh

* *Dịch bệnh Covid-19*: Tính đến ngày 05/03/2023, toàn thành phố ghi nhận tích lũy có 27 trường hợp, chưa ghi nhận ca tử vong và giảm đáng kể so với cùng kỳ năm 2022.

** Dịch bệnh khác*

- *Sốt xuất huyết (SXH)*: Lũy kế đến ngày 05/03/2023, toàn thành phố ghi nhận 993 ca, tăng 1,5 lần so với cùng kỳ năm 2022. Ổ dịch nhỏ: ghi nhận 35 ổ dịch nhỏ, giảm 1,8 lần so với cùng kỳ năm 2022.

- *Tay chân miệng (TCM)*: Lũy kế đến ngày 05/03/2023, toàn thành phố ghi nhận 63 ca, tăng 3,7 lần so với cùng kỳ năm 2022.

- *Các bệnh truyền nhiễm khác*: Chưa ghi nhận ổ dịch, lây lan bùng phát.

4.2. Chương trình Tiêm chủng mở rộng

Tính đến ngày 28/02/2023 tỷ lệ tiêm chủng mở rộng đầy đủ đạt 9,9%, trong đó các loại vắc xin: BCG đạt tỷ lệ: 14,8%; vắc xin Bại liệt 3: 9,2%; DTC - VGB - Hib mũi 3: 13,6%; Sởi: 8,4 %; Viêm gan B < 24h: 14,5% ; Phụ nữ có thai được bảo vệ uốn ván UV2: 13,1%.

4.3. Tình hình khám, chữa bệnh

- Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 28/02/2023: số lượt khám bệnh 478.356 lượt người (trong đó khám BHYT là 329.281 lượt, chiếm 68,84%).

- Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 28/02/2023: số bệnh nhân điều trị nội trú : 49.505 bệnh nhân (trong đó BHYT là 46.180 bệnh nhân chiếm tỷ lệ 93,28%).

4.4. Tình hình dịch HIV/AIDS

Bảng 01. Tình hình dịch HIV/AIDS

Thông tin	02 tháng năm 2022		02 tháng năm 2023		Lũy kế từ khi phát hiện ca đầu tiên tại Đà Nẵng	
	Chung	Đà Nẵng	Chung	Đà Nẵng	Chung	Đà Nẵng
Phát hiện nhiễm mới	60	31	50	25	3.453	1.847
Bệnh nhân AIDS	-	-	-	-	1.058	876
Tử vong do AIDS	-	-	-	-	513	485
Số người còn sống					2.940	1.362

Tình hình điều trị Methadone: Trong quý I, tiếp nhận điều trị 01 bệnh nhân, hiện đang quản lý và điều trị cho 270 bệnh nhân.

4.5. Chương trình mục tiêu dân số

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu Dân số và các Biện pháp tránh thai tính đến ngày 28/02/2023: Tổng số trẻ sinh ra 1.746 trẻ; tăng 190 trẻ so cùng kỳ năm 2022. Tỷ số giới tính: 113,7 bé trai/100 bé gái. Số trẻ sinh 3+ là 73 trẻ, tăng 11 trẻ so cùng kỳ năm 2022; tỷ lệ sinh 3+ là 4,18%.

Tổng các biện pháp tránh thai: 43.770/40.200, đạt 108,9% trong đó: Dụng cụ tử cung đạt 1.890/7.200 (đạt 26,3%); 41 ca triệt sản; thuốc cấy đạt 165/700 (đạt 23,6%), thuốc tiêm đạt 974/1.000 (đạt 97,4%), viên uống tránh thai đạt 9.233/7.300 (đạt 126,5%), bao cao su đạt 31.467/24.000 (đạt 131,1%).

Thực hiện chỉ tiêu kỹ thuật sàng lọc trước sinh, sơ sinh: Số phụ nữ mang thai được sàng lọc: 1.587/1.921 (người), (đạt 82,6%). Số trẻ em sàng lọc sơ sinh 1.577/1.746 (trẻ), đạt 90,3%.

5. Văn hóa - Thể thao

5.1. Lĩnh vực Văn hóa

Công tác tuyên truyền, cổ động trực quan: hướng dẫn công tác tuyên truyền Tết Nguyên Đán Quý Mão Kỷ niệm 73 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và các ngày lễ lớn trong năm 2023. Thực hiện công tác tuyên truyền cổ động trực quan, treo cờ Tổ quốc, cờ Đảng. Chú trọng việc phân bổ tuyến đường trang trí tuyên truyền hợp lý để triển khai thực hiện đồng bộ, góp phần tạo không khí rực rỡ, vui tươi trên khắp địa bàn thành phố. Nội dung tuyên truyền đảm bảo theo hướng dẫn, hình thức tuyên truyền đa dạng, số lượng, thời gian và địa bàn tuyên truyền đảm bảo yêu cầu đặt ra. Thực hiện tuyên truyền bằng xe lưu động với chủ đề hưởng ứng phong trào “Chống rác thải nhựa toàn quốc năm 2023” và vệ sinh môi trường của thành phố trên các tuyến đường. Hướng dẫn triển khai công tác tuyên truyền cổ động trực quan kỷ niệm 48 năm Ngày Giải phóng thành phố Đà Nẵng (29/3/1975 - 29/3/2023).

Xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và thực hiện Đề án “Xây dựng nếp sống văn hóa văn minh đô thị”: triển khai thực hiện Đề án “Phát triển văn hóa - xã hội đồng bộ với phát triển kinh tế, chú trọng xây dựng con người Đà Nẵng văn minh, thân thiện, làm nền tảng xây dựng thành phố an bình, đáng sống, hình thành các giá trị bản sắc riêng, phù hợp với truyền thống, phù hợp với lịch sử, văn hóa của người Đà Nẵng giai đoạn 2022 - 2030”; triển khai thực hiện Kế hoạch triển khai thực hiện Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" và Đề án “Xây dựng nếp sống văn hóa - văn minh đô thị” trên địa bàn thành phố năm 2023; Xây dựng Hướng dẫn thực hiện tiêu chí văn hóa (tiêu chí số 7) trong bộ tiêu chí của Chính phủ và trình tự, thủ tục, xét công nhận Phường đạt chuẩn văn minh đô thị, Quận đạt chuẩn văn minh đô thị trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; triển khai Kế hoạch tổ chức Lễ hội Quán Thế Âm, Ngũ Hành Sơn năm 2023 và theo dõi công tác quản lý nhà nước, hướng dẫn các địa phương tổ chức các lễ hội xuân, lễ hội đình làng.

Hoạt động văn hóa - nghệ thuật: hoạt động biểu diễn nghệ thuật, các hoạt động văn hóa - lễ hội hai bên bờ sông Hàn được tổ chức sôi động, hấp dẫn nhân dịp Lễ, Tết thu hút đông đảo khán giả theo dõi và tham gia. Các Nhà hát tích cực liên hệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài thành phố để hợp đồng dàn dựng và biểu diễn những chương trình nghệ thuật chất lượng cao phục vụ tại các sự kiện, lễ hội và khách du lịch. Nhà hát Tuồng Nguyễn Hiền Đình triển khai quảng

bá và biểu diễn trở lại Chương trình nghệ thuật “Hồn Việt” vào các tối thứ 4, thứ 6 và Chủ nhật hằng tuần; biểu diễn chương trình “Con đường di sản” tại Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng vào tối thứ 5 và 7 hàng tuần. Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tổ chức Cuộc thi Tài năng Nghệ thuật “Xuân và Tuổi trẻ” năm 2023. Nhà hát Tuồng Nguyễn Hiền Dĩnh, Nhà hát Trưng Vương, Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh thành phố phối hợp các địa phương, các xã, phường vùng sâu vùng xa thành phố, các trung tâm bảo trợ xã hội để tổ chức biểu diễn nghệ thuật, chiếu phim lưu động phục vụ bà con trong tháng Giêng âm lịch.

Hoạt động thư viện hướng trọng tâm vào việc phát triển văn hóa đọc và hướng về cơ sở; thực hiện Kế hoạch triển khai Chỉ thị số 20/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh đổi mới hoạt động của thư viện trong phát triển kỹ năng đọc, tiếp cận và xử lý thông tin cho thiếu nhi. Trong quý I/2023, Thư viện Khoa học Tổng hợp bổ sung đầu thầu 899/299 tên sách; phục vụ gần 234.200 lượt đọc, mượn và thường xuyên cập nhật thông tin hoạt động lên website. Thư viện phối hợp với Hội Nhà báo thành phố, Hội nhiếp ảnh thành phố tổ chức Hội Báo Xuân Quý Mão năm 2023 và trưng bày - triển lãm Báo Xuân tạo không khí vui tươi, phấn khởi và lan tỏa tình yêu sách báo tới nhân dân thành phố nhân dịp Tết đến Xuân về. Bên cạnh đó, thư viện KHTH tổ chức phong phú các hoạt động trưng bày, tuyên truyền, giới thiệu sách và tiếp tục phát huy hiệu quả của xe Thư viện lưu động - đa phương tiện và luân chuyển sách cho thư viện, phòng đọc sách cơ sở; chú trọng công tác quản trị bảo hành mạng Internet, mạng Lan và các phần mềm chuyên dụng trong hoạt động thư viện.

Tiếp tục thực hiện tốt việc triển khai các chủ trương, đường lối, chính sách về lĩnh vực văn hóa theo hướng dẫn; triển khai các hoạt động thông tin tuyên truyền kỷ niệm.

Di sản văn hoá: công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di sản tiếp tục nhận được sự quan tâm đầu tư. Tiếp tục triển khai Đề án bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá giai đoạn 2021-2025, thẩm định các nội dung liên quan đến công tác chỉnh lý hồ sơ di tích, xếp hạng di tích, Đề cương Bảo tàng Đà Nẵng tại cơ sở mới 42-44 Bạch Đằng (lần 2), thực hiện kế hoạch trùng tu, tu bổ di tích năm 2023. Trong đó, tập trung đầu tư, tôn tạo, đảm bảo tiến độ các Dự án tu bổ, tôn tạo di tích Thành Điện Hải (giai đoạn 2); công trình Bảo tàng Đà Nẵng cơ sở 42 Bạch Đằng; dự án Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh thành phố; dự án Bảo tàng điêu khắc Chăm (cơ sở 2); di tích quốc gia Hải Vân Quan.

Công tác nghiên cứu, sưu tầm được thực hiện với việc tiếp tục kêu gọi hiến tặng, phục chế tài liệu, hiện vật cho các bảo tàng, tiếp tục chỉnh lý trưng bày các chuyên đề, kiểm kê, bảo quản hiện vật. Các bảo tàng tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá, truyền thông cập nhật tin tức, sự kiện để thu hút khách đến tham quan, duy trì sự kết nối với công chúng trên website và các mạng xã hội, tích cực tổ chức các triển lãm và chương trình giáo dục lịch sử địa phương cho học sinh, sinh viên. Bảo tàng Mỹ thuật tham mưu các nội dung liên quan đến việc tiếp nhận bộ sưu tập tranh của các họa sĩ. Trong Quý I, Bảo tàng Điêu khắc

Chăm đón 19.800 khách; Bảo tàng Đà Nẵng ước đón 25.000 lượt khách; Bảo tàng Mỹ thuật đón 9.000 lượt khách.

5.2. Lĩnh vực Thể thao

Hoạt động thể dục thể thao quần chúng: triển khai Kế hoạch thể dục thể thao thành phố năm 2023, tổ chức các giải thể thao mừng Đảng đón Xuân Quý Mão 2023; Ngày chạy Olympic Vì sức khỏe toàn dân năm 2023. Tổ chức các Giải theo Kế hoạch và phối hợp tổ chức các trận bóng đá Vô địch Quốc gia V-League Night Wolf 2023 trên sân bóng đá Hòa Xuân.

Hoạt động thể dục thể thao thành tích cao: tổ chức tuyên dương khen thưởng các HLV, VĐV đạt thành tích xuất sắc tại Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ IX năm 2022 vào ngày 11/01/2023 tại Cung Thể thao Tiên Sơn. Đồng thời, xây dựng Kế hoạch tập huấn, thi đấu thể thao năm 2023 và triển khai xây dựng Kế hoạch tham dự Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ X năm 2026. Câu lạc bộ bóng đá SHB Đà Nẵng tổ chức Lễ xuất quân tham dự Giải bóng đá Vô địch Quốc gia V-League Night Wolf 2023 vào ngày 29/01/2023 tại Cung Thể thao Tiên Sơn. Sau bốn vòng đấu, đội bóng tạm thời xếp hạng thứ 14 với 01 điểm.

6. Trật tự an toàn xã hội

Tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn thành phố cơ bản được giữ vững, không xảy ra điểm nóng gây bức xúc dư luận xã hội. Thành phố huy động tối đa lực lượng, phương tiện, áp dụng đồng bộ các biện pháp phòng ngừa, tổ chức tấn công, trấn áp mạnh các loại tội phạm và hành vi vi phạm pháp luật; tiếp tục giữ vững an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, trật tự an toàn giao thông, bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy.

6.1. Tình hình cháy, nổ

Từ đầu năm đến nay, công tác phòng cháy, chữa cháy rất được thành phố quan tâm. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát tại các cơ sở kinh doanh, đặc biệt tại các cơ sở thuộc danh mục cơ sở nguy hiểm về cháy nổ và đã thực hiện đình chỉ nhiều cơ sở karaoke không bảo đảm an toàn về phòng cháy, chữa cháy.

Từ ngày 15/02/2023 đến ngày 14/03/2023, trên địa bàn thành phố đã xảy ra 11 vụ cháy nổ; không gây thiệt hại về người; giá trị tài sản bị thiệt hại ước tính ban đầu là 2,6 triệu đồng và đang tiếp tục thống kê. Số vụ cháy nổ tăng 08 vụ so với tháng 02/2023 và tăng 06 vụ so với tháng 03/2022. Xét theo loại cháy: nhà đơn lẻ: 08 vụ; phương tiện giao thông: 01 vụ; nhà tạm chứa phế liệu: 01 vụ; nhà ở kết hợp sản xuất kinh doanh: 01 vụ. Xét theo nguyên nhân: 01 vụ do sự cố thiết bị điện; 03 vụ bất cẩn trong sử dụng nhiệt; 01 vụ do chập điện và 06 vụ đang điều tra. Xét theo khu vực: 03 vụ quận Hải Châu; 03 vụ quận Cẩm Lệ; 02 vụ Thanh Khê; 02 vụ Liên Chiểu; 01 vụ Hòa Vang.

Cộng dồn từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/03/2023, toàn thành phố đã xảy ra 21 vụ cháy nổ; không gây thiệt hại về người; giá trị tài sản bị thiệt hại ước tính ban đầu là 77.012,6 triệu đồng (trong đó, riêng vụ cháy lớn tại công ty Nhựa ABC theo lời khai của chủ cơ sở vào tháng 01/2023 là 77.000 triệu đồng) và các cơ quan chức năng vẫn đang tiếp tục thống kê. So với cùng kỳ năm 2022, tăng 03

vụ cháy nổ; không tăng không giảm về số người chết và bị thương; tuy nhiên tổng giá trị tài sản thiệt hại ước tính ban đầu tăng lên đáng kể.

6.2. Tai nạn giao thông

a) *Tai nạn giao thông đường bộ*: từ ngày 15/02/2023 đến ngày 14/03/2023, trên địa bàn thành phố xảy ra 02 vụ tai nạn giao thông đường bộ làm 01 có người chết và 02 người bị thương. So với tháng 02/2023: không tăng, không giảm số vụ tai nạn và số người chết và tăng 01 người bị thương. So với cùng kỳ năm 2022, giảm đáng kể trên cả 2 tiêu chí, đó là: giảm 04 vụ tai nạn; giảm 04 người chết và không tăng, không giảm số người bị thương.

Cộng dồn từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/03/2023, trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đã xảy ra 05 vụ tai nạn giao thông đường bộ làm 02 người chết và 04 người bị thương. So với cùng kỳ năm 2022, giảm 14 vụ tai nạn; giảm 12 người chết và giảm 09 người bị thương, đây là tín hiệu tốt đáng ghi nhận giảm đáng kể trên cả 3 tiêu chí: số vụ, số người chết và số người bị thương.

b) *Tai nạn giao thông đường sắt và đường thủy*: từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/03/2023, toàn thành phố không xảy ra tai nạn giao thông đường sắt và đường thủy, không có biến động so với cùng kỳ năm 2022.

7. Môi trường

Trong tháng 03 năm 2023, trên địa bàn thành phố không xảy ra vụ việc phức tạp liên quan đến lĩnh vực môi trường. Các lực lượng chức năng đã tập trung công tác nắm tình hình và tổ chức kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm môi trường của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Tháng 03/2023, lực lượng chức năng đã phát hiện và xử lý vi phạm hành chính 08 vụ vi phạm môi trường với số tiền xử phạt là 85,2 triệu đồng; cùng giảm 8 vụ so với tháng 02/2023 và tháng 03/2022. Xét theo loại hình vi phạm: vi phạm về xây dựng, môi trường, đô thị đã phát hiện và xử lý 02 vụ, số tiền xử phạt là 5,5 triệu đồng; vi phạm về an toàn thực phẩm phát hiện và xử lý 02 vụ, số tiền xử phạt là 18,2 triệu đồng; vi phạm khác đã phát hiện và xử lý 04 vụ, số tiền xử phạt là 61,5 triệu đồng.

Lũy kế 03 tháng đầu năm 2023, lực lượng chức năng đã phát hiện và xử lý vi phạm hành chính 78 vụ, tổng số tiền phạt là 553,8 triệu đồng, giảm 11 vụ vi phạm, số tiền xử phạt cũng giảm 832,9 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, vi phạm về an toàn thực phẩm 17 vụ với tổng số tiền phạt là 155,3 triệu đồng; 28 vụ vi phạm về xây dựng, môi trường đô thị với tổng tiền phạt là 109,8 triệu đồng và 33 vụ vi phạm khác liên quan đến các lĩnh vực môi trường khác, như: y tế; khai thác tài nguyên, khoáng sản; sản xuất công nghiệp... với tổng số tiền phạt là 288,7 triệu đồng.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP TRONG QUÝ II VÀ CẢ NĂM 2023

Dự báo tình hình kinh tế thế giới trong thời gian đến sẽ tiếp tục diễn biến phức tạp, lạm phát tiếp tục ở mức cao, xu hướng thắt chặt chính sách tiền tệ, tăng lãi suất kéo dài tại nhiều quốc gia; kinh tế toàn cầu có xu hướng tăng trưởng

chậm lại. Trong nước, nền kinh tế có những thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen; sức ép lạm phát, tỷ giá, lãi suất gia tăng; sản xuất kinh doanh tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức. Trước tình hình trên, trong quý II và những quý tiếp theo, thành phố cần tập trung vào một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

(1) Tăng cường khôi phục và phát triển thị trường khách du lịch quốc tế bằng nhiều giải pháp như: thúc đẩy phát triển sản phẩm du lịch đêm trên cơ sở triển khai Đề án phát triển kinh tế đêm trên địa bàn thành phố; thường xuyên tổ chức các sự kiện, lễ hội để thu hút du khách: sự kiện MICE quốc tế, Chương trình “khai trương mùa du lịch biển Đà Nẵng 2023”; tổ chức Lễ hội pháo hoa quốc tế Đà Nẵng và các sự kiện văn hóa - thể thao; tăng cường mở các đường bay quốc tế, thu hút tàu du lịch bằng đường biển... Đảm bảo vệ sinh môi trường, an ninh trật tự, an toàn, cứu hộ để sẵn sàng phục vụ du khách.

(2) Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, thực hiện hiệu quả các chương trình kích cầu tiêu dùng nội địa; đẩy mạnh các hoạt động liên kết hợp tác sản xuất, tiêu thụ, tham gia vào chuỗi cung ứng hàng hóa của các nhà sản xuất, phân phối lớn; tổ chức các chương trình kết nối giao thương, xúc tiến xuất khẩu giữa doanh nghiệp thành phố với doanh nghiệp nước ngoài; triển khai hiệu quả hoạt động triển lãm sản phẩm trực tuyến, áp dụng thương mại điện tử trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Kiểm soát giá cả thị trường và tăng cường công tác bảo vệ người tiêu dùng, chống gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng.

(3) Tiếp tục đầu tư mở rộng mạng lưới vận tải hành khách công cộng; phát triển dịch vụ xe đạp công cộng khu vực trung tâm thành phố; xây dựng các chính sách hỗ trợ phát triển dịch vụ logistics, tạo nền tảng thuận lợi để thu hút nguồn hàng hóa xuất, nhập khẩu luân chuyển trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Xây dựng và triển khai kế hoạch phục vụ vận tải nhân các dịp Lễ, Tết.

(4) Tăng cường kiểm soát tăng trưởng tín dụng của các chi nhánh tổ chức tín dụng trên địa bàn, đảm bảo tăng trưởng tín dụng đi đôi với nâng cao chất lượng tín dụng.

(5) Chủ động nắm bắt và giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp đã và đang đầu tư trên địa bàn thành phố; tích cực hỗ trợ các dự án đang triển khai, nhất là các dự án quy mô lớn, đi vào hoạt động đúng tiến độ, đồng thời hỗ trợ các dự án đang hoạt động mở rộng sản xuất kinh doanh, tăng vốn đầu tư, tạo ra các giá trị mới góp phần thúc đẩy tăng trưởng công nghiệp thành phố.

(6) Theo dõi, chỉ đạo sản xuất vụ Đông Xuân; tăng cường công tác kiểm tra, quản lý hoạt động giết mổ, vận chuyển, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật, kiểm soát an toàn dịch bệnh. Tăng cường công tác tuần tra, kiểm tra, phòng cháy chữa cháy rừng, tuyệt đối không để xảy ra điểm nóng về phá rừng, lấn chiếm đất rừng, khai thác rừng trái phép, cháy rừng.

(7) Tập trung mọi nguồn lực để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong đầu tư xây dựng, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, đa dạng hóa đối tác và hình thức đầu tư; tiếp tục tập trung mời gọi và xúc tiến nhà đầu tư trong và ngoài nước có tiềm lực, thương hiệu mạnh đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp ổn định sản xuất kinh doanh.

Nơi nhận:

- Vụ TK Tổng hợp;
- Vụ HTTKQG - TCTK (để b/c);
- Thành ủy, HĐND, UBND TP (để b/c);
- Cục Thống kê 5 thành phố trực thuộc TW;
- Cục thống kê tỉnh Quảng Nam;
- Đơn vị trực thuộc Cục Thống kê;
- Một số Sở, ngành liên quan;
- Lãnh đạo Cục TK;
- Lưu: VT, TKTH.

CỤC TRƯỞNG

Trần Văn Vũ

PHỤ LỤC SỐ LIỆU

*(Kèm theo Báo cáo số 182 /BC-CTK ngày 27 tháng 3 năm 2023
của Cục Thống kê thành phố Đà Nẵng)*

01 Tổng sản phẩm trên địa bàn quý I năm 2023

Đơn vị tính: Triệu đồng; %

	Theo giá hiện hành		Theo giá so sánh	
	Ước tính quý I năm 2023	Cơ cấu (%)	Ước tính quý I năm 2023	Quý I/2023 so với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	30.746.436	100,00	17.430.541	107,12
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	498.095	1,62	240.524	99,99
Công nghiệp và xây dựng	5.353.701	17,41	2.957.950	95,26
<i>Trong đó: Công nghiệp</i>	4.082.210	13,28	2.233.765	100,45
Dịch vụ	21.672.394	70,49	12.367.122	111,53
Thuế sản phẩm trực tiếp cấp sản phẩm	3.222.246	10,48	1.864.946	101,50

02 Sản xuất nông nghiệp tính đến ngày 15 tháng 3 năm 2023

	Thực hiện quý I năm 2022	Ước tính quý I năm 2023	Quý I/2023 với cùng kỳ năm 2022 (%)
Diện tích gieo trồng cây hàng năm (Ha)	3.679,7	3.527,4	95,86
Lúa	2.526,0	2.438,4	96,53
Lúa đông xuân	2.526,0	2.438,4	96,53
Các loại cây khác	1.153,7	1.089,0	94,39
Ngô	95,5	87,0	91,10
Khoai lang	112,2	107,0	95,37
Mía	173,50	180,0	103,75
Lạc	325,0	293,0	90,15
Rau các loại	420,0	395,0	94,05
Đậu các loại	27,50	27,0	98,18

03 Chăn nuôi quý I năm 2023

	Thực hiện quý I năm 2022	Ước tính quý I năm 2023	Quý I năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022 (%)
Số lượng vật nuôi tại thời điểm 15/3 (Con)			
Trâu	2.015	1.420	70,47
Bò	16.007	13.500	84,34
Lợn	35.005	28.122	80,34
Gia cầm	672.600	804.000	119,54
Sản lượng thịt hơi xuất chuồng (Tấn)			
Trâu	18,43	13,3	72,16
Bò	59,88	55,68	92,99
Lợn	1.668,75	1.275,64	76,44
Gia cầm	260	455	175,00
Sản lượng sản phẩm chăn nuôi khác			
Trứng (Nghìn quả)	4.490	4.780	106,46

04 Kết quả sản xuất lâm nghiệp quý I năm 2023

	Thực hiện quý I năm 2022	Ước tính quý I năm 2023	Quý I năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022 (%)
Diện tích rừng trồng mới tập trung (Nghìn ha)	-	-	-
Số cây lâm nghiệp trồng phân tán (Nghìn cây)	657,00	668,00	101,67
Sản lượng gỗ khai thác (Nghìn m ³)	34,69	33,40	96,28
Sản lượng củi khai thác (Nghìn ste)	22,50	21,51	95,60
Diện tích rừng bị thiệt hại (Ha)	-	-	-
Cháy rừng (Ha)	-	-	-
Chặt, phá rừng (Ha)	-	-	-

05 Sản lượng thủy sản quý I năm 2023

	ĐVT: Tấn; %		
	Thực hiện quý I năm 2022	Ước tính quý I năm 2023	Quý I năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022 (%)
Tổng sản lượng thủy sản	9.685,93	9.579,96	98,91
Cá	8.143,00	8.185,20	100,52
Tôm	188,53	148,17	78,59
Thủy sản khác	1.354,40	1.246,59	92,04
Sản lượng thủy sản nuôi trồng	252,83	271,87	107,53
Cá	236,90	255,00	107,64
Tôm	15,13	15,30	101,12
Thủy sản khác	0,80	1,57	196,25
Sản lượng thủy sản khai thác	9.433,10	9.308,09	98,67
Cá	7.906,10	7.930,20	100,30
Tôm	173,40	132,87	76,63
Thủy sản khác	1.353,60	1.245,02	91,98

06 Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 3 năm 2023

	Đơn vị tính: %		
	Ước tháng 3 năm 2023 so với tháng trước	Ước tháng 3 năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022	Quý I năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022
Toàn ngành công nghiệp	119,19	102,64	96,75
Khai khoáng	125,09	126,52	137,36
Khai khoáng khác	124,98	126,67	137,26
Công nghiệp chế biến , chế tạo	120,41	101,18	95,15
Sản xuất chế biến thực phẩm	107,84	121,64	117,82
Sản xuất đồ uống	112,74	130,32	136,20
Dệt	107,45	100,75	86,75
Sản xuất trang phục	128,21	113,10	107,71
Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	140,44	109,39	100,60
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện	116,62	103,42	132,98
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	138,42	108,96	84,79
In, sao chép bản ghi các loại	102,46	96,51	98,50
Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	142,15	100,56	77,11
Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	100,26	115,07	121,44
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	120,33	85,77	81,07
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	254,61	80,72	70,85
Sản xuất kim loại	128,22	92,19	93,32
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	140,19	86,82	82,83
Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	110,94	132,44	106,92
Sản xuất thiết bị điện	116,45	93,26	91,07
Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	134,05	113,45	94,87
Sản xuất xe có động cơ	130,68	152,44	125,61
Sản xuất phương tiện vận tải khác	110,00	295,56	245,05
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	92,86	100,15	110,89
Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	98,78	67,91	58,63
Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	99,95	181,20	140,63
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	112,36	107,00	96,92
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	105,08	126,63	128,29
Khai thác, xử lý và cung cấp nước	100,45	137,39	137,63
Thoát nước và xử lý nước thải	121,92	89,16	75,04
Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	114,11	113,63	119,72

07 Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 3 năm 2023

	Đơn vị tính	Ước tính tháng 3/2023	Ước tính quý I năm 2023	Tháng 3/2023 so với cùng kỳ năm 2022 (%)	Quý I năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022 (%)
Đá xây dựng khác	M ³	176.559	423.469	126,67	137,26
Thịt cá đông lạnh	Tấn	307	721	41,94	38,59
Tôm đông lạnh	Tấn	2.087	4.895	144,93	144,01
Bia đóng chai	1000 lít	3.376	4.869	175,29	101,69
Nước ngọt (cocacola, 7 up, ...)	1000 lít	7.500	22.820	135,14	146,75
Vải dệt thoi từ sợi bông có tỷ trọng bông từ 85% trở lên	1000 m ²	390	959	189,64	90,98
Khăn mặt, khăn tắm và khăn khác dùng trong phòng vệ sinh, nhà bếp	Tấn	2	5	52,94	66,15
Bộ quần áo cho người lớn dệt kim hoặc đan móc	1000 cái	169	364	107,88	83,95
Bộ quần áo cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc	1000 cái	1.862	4.572	113,57	110,02
Giày, dép thể thao có mũ bằng da và có đế ngoài	1000 đôi	370	817	109,39	100,60
Vỏ bào, dăm gỗ	Tấn	47.000	126.825	103,42	132,98
Bao bì và túi bằng giấy (trừ giấy nhấn)	1000 chiếc	1.112	2.322	73,33	45,94
Hộp và thùng bằng giấy nhấn và bìa nhấn	1000 chiếc	1.955	4.459	117,83	88,88
Báo in	Triệu trang	108	313	106,58	105,83
Sản phẩm in khác	Triệu trang	78	255	89,13	93,47
Sơn và véc ni, tan trong môi trường không chứa nước	Tấn	612	1.482	99,93	79,00
Keo đã điều chế và các chất dính đã được điều chế khác	Tấn	687	1.153	103,78	65,81
Dược phẩm khác chưa phân vào đâu	Kg	87.135	212.692	113,67	91,88
Cao dán, bông, băng, gạc và các sản phẩm tương tự	Kg	200.837	633.333	115,30	126,56
Lốp hơi mới bằng cao su, loại dùng cho xe buýt, xe tải hoặc máy bay	1000 cái	112	262	85,77	81,07
Clanhke xi măng	Tấn	48.000	51.237	107,14	45,52
Xi măng Portland đen	Tấn	77.791	145.588	76,98	76,44
Gạch và gạch khối xây dựng bằng xi măng, bê tông hoặc đá nhân tạo	1000 viên	276	385	93,82	64,94
Bê tông trộn sẵn (bê tông tươi)	M ³	38.363	92.901	72,53	78,45
Sắt, thép không hợp kim dạng thỏi đúc hoặc dạng thô khác	Tấn	12.025	25.249	109,07	84,81
Thanh, que sắt hoặc thép không hợp kim, được cán nóng	Tấn	24.021	60.055	87,54	96,10
Cấu kiện nhà lắp sẵn bằng kim loại	Tấn	1.084	2.716	95,38	78,09

07 Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 03 năm 2023 (tt)

	Đơn vị tính	Ước tính tháng 3/2023	Ước tính quý I năm 2023	Tháng 3/2023 so với cùng kỳ năm 2022 (%)	Quý I năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022 (%)
Thiết bị dùng cho dàn giáo, ván khuôn, vật chống, cột trụ chống hầm lò bằng sắt, thép, nhôm	Tấn	21.960	55.027	88,93	89,76
Bộ phận và các phụ tùng của máy tính	1000 Cái	325.761	955.701	138,41	112,55
Động cơ điện một chiều có công suất ≤ 37.5 W	1000 chiếc	26.313	67.632	93,26	91,07
Bộ lọc dầu/xăng dùng cho động cơ đốt trong	Bộ	350.000	975.407	112,09	105,49
Bộ dây đánh lửa và bộ dây khác sử dụng cho xe có động cơ	Bộ	109.778	275.098	152,44	125,61
Các loại tàu khác	Triệu đồng	5.407	18.188	295,56	245,05
Ghế khác có khung bằng gỗ	Chiếc	5.301	14.207	56,07	68,37
Bàn bằng gỗ các loại	Chiếc	19.844	56.291	94,18	145,70
Thiết bị câu và bắt cá	1000 chiếc	536.427	1.424.846	88,57	75,80
Đồ chơi hình con vật hoặc sinh vật không phải hình người	1000 con	5.033	16.142	28,43	27,71
Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy bay, tàu vũ trụ	Triệu đồng	26.992	73.679	181,20	140,63
Điện thương phẩm	Triệu KWh	273	739	107,00	96,92
Nước uống được	1000 m3	9.157	27.468	137,39	137,63
Dịch vụ xử lý nước thải	Triệu đồng	1.321	3.483	89,16	75,04
Dịch vụ thu gom rác thải tái chế được	Triệu đồng	27.475	82.000	113,63	119,72

08 Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn quý I năm 2023 theo giá hiện hành

ĐVT: Triệu đồng %

	Thực hiện quý I năm 2022	Thực hiện quý IV năm 2022	Ước tính quý I năm 2023	Quý I năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022 (%)
Tổng số	7.741.605	8.777.847	6.017.734	77,73
Vốn đầu tư thuộc ngân sách Nhà nước	702.894	1.889.597	859.521	122,28
Vốn trái phiếu Chính phủ	-	-	-	-
Vốn tín dụng đầu tư theo kế hoạch NN	13.648	41.281	27.180	199,14
Vốn vay từ các nguồn khác (của khu vực Nhà nước)	80.798	381.395	109.955	136,09
Vốn đầu tư của doanh nghiệp Nhà nước (Vốn tự có)	359.813	297.543	202.227	56,20
Vốn đầu tư của dân cư và tư nhân	4.975.632	4.733.883	3.977.392	79,94
Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	1.307.820	1.242.479	555.855	42,50
Vốn huy động khác	301.000	191.668	285.605	94,89

09 Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý

ĐVT: Triệu đồng; %

	Thực hiện tháng 02/2023	Ước tính tháng 3/2023	Ước thực hiện quý I năm 2023	Quý I năm 2023 so với kế hoạch	Quý I năm 2023 so với cùng kỳ 2022
TỔNG SỐ	281.259	308.837	859.521	15,18	122,28
Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh	272.920	298.617	831.905	15,22	119,18
Vốn cân đối ngân sách tỉnh	177.884	204.425	576.165	15,04	134,11
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	61.189	58.640	165.941	12,70	66,49
Vốn trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	4.000	6.000	31.377	5,57	1.568,85
Vốn nước ngoài (ODA)	-	-	-	-	-
Xổ số kiến thiết	13.220	8.500	36.239	23,93	-
Vốn khác	77.816	79.692	188.124	20,43	70,62
Vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện	8.339	10.220	27.616	14,24	567,06
Vốn cân đối ngân sách huyện	8.339	10.220	27.616	14,24	567,06
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	-	-	-	-	-
Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	-	-	-	-	-
Vốn khác	-	-	-	-	-
Vốn ngân sách Nhà nước cấp xã	-	-	-	-	-
Vốn cân đối ngân sách xã	-	-	-	-	-
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	-	-	-	-	-
Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	-	-	-	-	-
Vốn khác	-	-	-	-	-

10 Doanh thu bán lẻ hàng hóa quý I năm 2023

ĐVT: Triệu đồng; %

	Thực hiện tháng 02/2023	Ước tính tháng 3/2023	Ước tính quý I năm 2023	Tháng 3/2023 so với cùng kỳ năm 2022	Quý I năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022
Tổng số	4.881.319	5.247.393	15.565.967	106,05	108,04
Lương thực, thực phẩm	1.253.490	1.312.331	4.138.786	121,04	121,01
Hàng may mặc	225.546	246.945	755.378	111,48	100,52
Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình	741.199	841.307	2.544.545	136,55	136,21
Vật phẩm văn hóa, giáo dục	82.356	97.151	309.820	67,66	86,90
Gỗ và vật liệu xây dựng	395.231	429.675	1.067.950	101,96	120,27
Ô tô các loại	450.653	535.096	1.300.119	84,11	65,41
Phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng)	260.157	262.827	850.948	71,52	72,70
Xăng, dầu các loại	865.010	909.300	2.690.053	98,47	106,47
Nhiên liệu khác (trừ xăng, dầu)	26.162	28.183	81.355	132,95	164,52
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	135.678	141.241	418.996	91,38	124,36
Hàng hóa khác	357.410	356.241	1.148.735	123,61	136,90
Sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ	88.427	87.095	259.281	124,12	121,91

11 Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng quý I năm 2023

ĐVT: Triệu đồng; %

	Thực hiện tháng 02/2023	Ước tính tháng 3/2023	Ước tính quý I năm 2023	Tháng 3/2023 so với cùng kỳ năm 2022	Quý I năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022
TỔNG SỐ	9.498.720	10.002.789	29.502.216	129,05	134,43
Tổng mức bán lẻ hàng hóa	4.881.319	5.247.393	15.565.967	106,05	108,04
Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống	1.698.037	1.806.104	5.206.172	155,33	173,47
Doanh thu lữ hành và các dịch vụ hỗ trợ du lịch	661.478	720.580	2.032.537	250,22	277,12
Doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác	1.036.559	1.085.524	3.173.635	124,09	139,95

12 Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và dịch vụ tiêu dùng khác

ĐVT: Triệu đồng; %

	Thực hiện tháng 02/2023	Ước tính tháng 3/2023	Ước tính quý I năm 2023	Tháng 3/2023 so với cùng kỳ năm 2022	Quý I năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	1.698.037	1.806.104	5.206.172	155,33	173,47
Dịch vụ lưu trú	661.478	720.580	2.032.537	250,22	277,12
Dịch vụ ăn uống	1.036.559	1.085.524	3.173.635	124,09	139,95
Du lịch lữ hành	239.021	264.207	691.423	602,89	630,75
Dịch vụ tiêu dùng khác	2.680.344	2.685.086	8.038.654	168,16	181,56

13 Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ

	Chỉ số giá tháng 3 năm 2023 so với:				Bình quân quý I năm 2023 so với bình quân cùng kỳ năm 2022
	Kỳ gốc 2019	Tháng 3 năm 2022	Tháng 12 năm 2022	Tháng 02 năm 2023	
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CHUNG	114,06	107,21	101,74	99,84	108,65
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	120,65	107,30	100,38	99,26	107,64
<i>Trong đó:</i>					
Lương thực	120,00	104,93	102,17	100,51	104,25
Thực phẩm	118,20	103,59	99,80	98,28	105,00
Ăn uống ngoài gia đình	123,21	111,37	100,74	100,05	110,73
Đồ uống và thuốc lá	114,09	106,36	100,03	99,54	107,44
May mặc, giày dép và mũ nón	113,25	107,53	101,35	100,13	107,38
Nhà ở và vật liệu xây dựng	115,00	116,82	105,23	100,40	121,59
Thiết bị và đồ dùng gia đình	111,51	106,54	100,82	100,15	106,79
Thuốc và dịch vụ y tế	103,44	101,02	99,98	100,11	101,18
<i>Trong đó:</i> Dịch vụ y tế	102,08	100,01	100,00	100,00	100,01
Giao thông	111,08	93,55	104,11	100,00	97,03
Bưu chính viễn thông	96,45	99,53	99,54	100,27	99,22
Giáo dục	114,13	111,27	99,71	99,68	111,50
<i>Trong đó:</i> Dịch vụ giáo dục	114,17	111,75	99,63	99,63	112,03
Văn hoá, giải trí và du lịch	101,49	104,97	100,81	100,14	105,04
Hàng hóa và dịch vụ khác	112,29	105,71	100,96	100,29	106,01
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	138,61	97,60	101,22	99,10	100,11
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	102,45	103,80	98,39	100,72	103,66

14 Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải; dịch vụ bưu chính và chuyển phát

Đơn vị tính: Triệu đồng; %

	Thực hiện tháng 02/2023	Ước tính tháng 3/2023	Ước tính quý I năm 2023	Tháng 3/2023 so với cùng kỳ năm 2022	Quý I năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022
TỔNG SỐ	2.628.212	2.687.561	7.933.330	135,36	138,19
Vận tải hành khách	1.247.882	1.271.565	3.721.400	177,90	181,30
Đường sắt	17.580	16.043	49.502	145,37	151,63
Đường biển					
Đường thủy nội địa	8.083	7.983	21.454	5973,64	7071,93
Đường bộ	101.080	102.159	304.713	106,66	117,79
Hàng không	1.121.139	1.145.380	3.345.729	188,44	189,99
Vận tải hàng hóa	437.670	461.626	1.377.567	94,51	95,89
Đường sắt	7.687	6.785	22.740	105,24	117,57
Đường biển	2.948	3.088	10.024	52,87	56,88
Đường thủy nội địa					
Đường bộ	427.036	451.753	1.344.803	94,88	96,08
Hàng không					
Dịch vụ hỗ trợ vận tải	844.982	855.135	2.540.625	123,49	128,30
Dịch vụ bưu chính và chuyển phát	97.678	99.235	293.739	110,55	108,21

15 Vận tải hành khách và hàng hóa do địa phương quản lý

	Thực hiện tháng 02/2023	Ước tính tháng 3/2023	Ước tính quý I năm 2023	Tháng 3/2023 so với cùng kỳ năm 2022	Quý I năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022
HÀNH KHÁCH					
Vận chuyển (Nghìn HK)	2.094,3	2.162,9	6.329,0	114,84	121,07
Đường biển					
Đường thủy nội địa	61,4	60,6	162,9	8.437,86	15.117,27
Đường bộ	2.033	2.102	6.166	111,67	117,98
Luân chuyển (Nghìn lượt HK.km)	60.421,3	61.021,4	181.698	106,84	113,77
Đường biển					
Đường thủy nội địa	337,1	333,4	895,6	7.899,78	9.873,26
Đường bộ	60.084	60.688	180.803	106,27	113,22
HÀNG HÓA					
Vận chuyển (Nghìn tấn)	2.933	3.038	9.570	95,38	96,57
Đường biển	5	5	42	16,29	44,63
Đường thủy nội địa					
Đường bộ	2.928	3.033	9.527	96,14	97,07
Luân chuyển (Nghìn tấn.km)	344.497	341.353	1.043.175	109,29	105,74
Đường biển	3.080	3.227	16.804	30,88	46,83
Đường thủy nội địa					
Đường bộ	341.416	338.126	1.026.371	112,01	107,96

16 Trật tự, an toàn xã hội

	Đơn vị tính	Sơ bộ kỳ báo cáo ⁹	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với kỳ trước (%)	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm 2022 (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm 2022 (%)
Tai nạn giao thông						
Tổng số vụ tai nạn giao thông	Vụ	2	5	100,00	33,33	26,32
Đường bộ	"	2	5	100,00	33,33	26,32
Đường sắt	"	-	-	-	-	-
Đường thủy	"	-	-	-	-	-
Số người chết	Người	1	2	100,00	20,00	14,29
Đường bộ	"	1	2	100,00	20,00	14,29
Đường sắt	"	-	-	-	-	-
Đường thủy	"	-	-	-	-	-
Số người bị thương	Người	2	4	200,00	100,00	30,77
Đường bộ	"	2	4	200,00	100,00	30,77
Đường sắt	"	-	-	-	-	-
Đường thủy	"	-	-	-	-	-
Cháy, nổ						
Số vụ cháy, nổ	Vụ	11	21	366,67	220,00	116,67
Số người chết	Người	-	-	-	-	-
Số người bị thương	"	-	-	-	-	-
Tổng giá trị tài sản thiệt hại	Triệu đồng	2,6	77.012,6	26,00	...	...

Ghi chú: Nguồn số liệu từ Công an thành phố Đà Nẵng

⁹ Số liệu kỳ báo cáo tính từ ngày 15/02/2022 đến 14/03/2023

17 Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn quý I năm 2023

	Đơn vị tính: Triệu đồng; %				
	Quý I năm 2023 ¹⁰	Quý I năm 2022 ¹¹	Quý I/2023 so với cùng kỳ	Cơ cấu	
				Quý I/2023	Quý I/2022
Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	5.123.467	5.996.016	85,45	100,00	100,00
Thu nội địa	4.108.097	4.593.710	89,43	80,18	76,61
Thu từ doanh nghiệp nhà nước	358.057	381.813	93,78	6,99	6,37
Thu từ doanh nghiệp đầu tư nước ngoài	912.103	878.402	103,84	17,80	14,65
Thu từ khu vực công, thương nghiệp ngoài quốc doanh	1.003.118	934.573	107,33	19,58	15,59
Thuế thu nhập cá nhân	759.953	663.929	114,46	14,83	11,07
Thuế bảo vệ môi trường	225.208	277.972	81,02	4,40	4,64
Thu phí, lệ phí	307.155	271.388	113,18	6,00	4,53
Trong đó: Lệ phí trước bạ	178.723	179.452	99,59	3,49	2,99
Các khoản thu về nhà, đất	384.202	1.073.041	35,80	7,50	17,90
Thu xổ số kiến thiết (bao gồm cả xổ số điện toán)	63.571	44.910	141,55	1,24	0,75
Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	2.487	2.078	119,71	0,05	0,03
Thu khác ngân sách	89.648	65.414	137,05	1,75	1,09
Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	97	188	51,38	-	-
Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi của ngân hàng nhà nước	2.500	-	-	-	-
Thu về dầu thô	-	-	-	-	-
Thu cân đối hoạt động xuất nhập khẩu	691.308	1.202.207	57,50	13,49	20,05
Thu viện trợ	60	-	-	-	-
Thu khác	324.003	200.099	161,92	6,32	3,34

Ghi chú: Nguồn số liệu từ Kho bạc Nhà nước Đà Nẵng

¹⁰ Cập nhật từ 01/01/2023 đến ngày 20/03/2023

¹¹ Cập nhật từ 01/01/2022 đến ngày 20/03/2022

18 Chi ngân sách nhà nước trên địa bàn quý I năm 2023

	Đơn vị tính: Triệu đồng; %				
	Quý I năm 2023 ¹²	Quý I năm 2022 ¹³	Quý I/2023 so với cùng kỳ	Cơ cấu	
				Quý I/2023	Quý I/2022
Tổng chi ngân sách nhà nước trên địa bàn	7.779.576	6.805.030	114,32	100,00	100,00
Chi đầu tư phát triển	3.949.737	3.404.036	116,03	50,77	50,02
Chi trả nợ lãi	9.348	1	-	0,12	0,00
Chi thường xuyên	3.818.670	3.399.173	112,34	49,09	49,95
Chi quốc phòng	1.376.481	1.050.915	130,98	17,69	15,44
Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	279.139	264.324	105,61	3,59	3,88
Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo, dạy nghề	557.983	489.952	113,89	7,17	7,20
Chi sự nghiệp y tế, dân số và kế hoạch hóa gia đình	181.727	118.784	152,99	2,34	1,75
Chi khoa học, công nghệ	21.158	21.566	98,11	0,27	0,32
Chi văn hóa, thông tin	46.947	41.584	112,90	0,60	0,61
Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	12.839	7.596	169,03	0,17	0,11
Chi thể dục, thể thao	37.558	31.420	119,54	0,48	0,46
Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	21.564	23.684	91,05	0,28	0,35
Chi sự nghiệp kinh tế	329.176	317.105	103,81	4,23	4,66
Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	576.046	535.811	107,51	7,40	7,87
Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	275.488	303.780	90,69	3,54	4,46
Chi trợ giá mặt hàng chính sách	-	-	-	-	-
Chi khác	102.564	192.653	53,24	1,32	2,83
Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.820	1.820	100,00	0,02	0,03
Chi dự phòng ngân sách	-	-	-	-	-
Các nhiệm vụ chi khác	-	-	-	-	-

Ghi chú: Nguồn số liệu từ Kho bạc Nhà nước Đà Nẵng

¹² Cập nhật từ 01/01/2023 đến ngày 20/03/2023

¹³ Cập nhật từ 01/01/2022 đến ngày 20/03/2022

19 Hoạt động ngân hàng

	Đơn vị tính: Tỷ đồng; %				
	Thời điểm 31/03/2022	Thời điểm 31/12/2022	Ước thời điểm 31/03/2023	Tháng 03/2023 so với	
				Cùng kỳ năm 2021	Tháng 12/2021
I. Dư nợ tín dụng	196.148	203.786	205.200	104,61	100,69
1. Bảng đồng Việt Nam	76.466	85.307	87.500	114,43	102,57
Ngắn hạn	119.682	118.479	117.700	98,34	99,34
Trung và dài hạn	6.166	5.373	5.800	94,07	107,94
2. Bảng ngoại tệ	4.436	4.557	4.500	101,45	98,75
Ngắn hạn	1.730	816	1.300	75,15	159,25
Trung và dài hạn	202.314	209.159	211.000	104,29	100,88
3. Tổng cộng (3=1+2)	80.901	89.864	92.000	113,72	102,38
Ngắn hạn	121.412	119.295	119.000	98,01	99,75
Trung và dài hạn	161.635	172.174	173.000	107,03	100,48
II. Dư nợ huy động vốn	157.061	167.061	167.800	106,84	100,44
1. Bảng đồng Việt Nam	138.948	145.542	145.800	104,93	100,18
Ngắn hạn	18.113	21.519	22.000	121,46	102,24
Trung và dài hạn	4.573	5.113	5.200	113,70	101,70
2. Bảng ngoại tệ	4.497	5.009	5.050	112,31	100,81
Ngắn hạn	77	103	150	195,12	144,93
Trung và dài hạn	161.635	172.174	173.000	107,03	100,48
3. Tổng cộng (3=1+2)	143.445	150.552	150.850	105,16	100,20
Ngắn hạn	18.190	21.622	22.150	121,77	102,44
Trung và dài hạn	196.148	203.786	205.200	104,61	100,69

Ghi chú: Nguồn số liệu từ Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Đà Nẵng

20 Xuất, nhập khẩu hàng hóa

Đơn vị tính: 1000 USD; %

	Thực hiện tháng 02 năm 2023	Ước tính tháng 3 năm 2023	Ước quý I năm 2023	Tháng 3 năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022	Quý I năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022
Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa	229.281	234.500	661.445	82,26	83,24
<i>Trong đó:</i>					
Xuất khẩu	149.210	152.000	427.323	86,39	89,62
Nhập khẩu	80.071	82.500	234.122	75,59	73,66
Xuất siêu	69.140	69.500	193.202		

Ghi chú: Nguồn số liệu từ Báo cáo Thống kê Xuất, nhập khẩu của Tổng cục Hải quan

21 Một số chỉ tiêu về khách lưu trú và lữ hành

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 02 năm 2023	Ước tính tháng 3 năm 2023	Ước tính quý I năm 2023	Tháng 3 năm 2023 so với cùng kỳ 2022 (%)	Quý I năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022 (%)
Dịch vụ lưu trú						
Lượt khách phục vụ	Lượt khách	497.251	542.642	1.424.350	365,95	465,47
Khách quốc tế	"	120.327	172.227	391.645	7.393,34	6.202,32
Khách trong nước	"	376.924	370.415	1.032.705	253,79	344,59
Khách ngủ qua đêm	"	360.484	404.686	1.071.519	400,94	468,46
Khách quốc tế	"	120.327	172.227	391.645	7.393,34	6.202,32
Khách trong nước	"	240.157	232.459	679.874	235,75	305,67
Khách nghỉ trong ngày	"	136.767	137.956	352.831	291,37	456,62
Khách quốc tế	"	-	-	-	-	-
Khách trong nước	"	136.767	137.956	352.831	291,37	456,62
Ngày khách phục vụ (chỉ tính cho khách ngủ qua đêm)	Ngày khách	594.966	691.378	1.773.957	215,04	226,84
Khách quốc tế	"	245.989	350.924	802.077	8.716,44	7.024,67
Khách trong nước	"	348.977	340.454	971.880	107,23	126,12
Số ngày lưu trú bình quân¹⁴	Ngày /lượt	1,65	1,71	1,66	53,63	48,42
Khách quốc tế	"	2,04	2,04	2,05	117,90	113,26
Khách trong nước	"	1,45	1,46	1,43	45,49	41,26
Dịch vụ lữ hành						
Lượt khách du lịch theo tour	Lượt khách	68.321	82.028	207.653	2.051,73	2.625,20
Khách quốc tế	"	15.806	23.530	48.428	-	-
Khách trong nước	"	49.521	55.590	151.056	1.390,45	1.909,68
Khách Việt Nam đi du lịch nước ngoài	"	2.994	2.908	8.169	-	-
Ngày khách du lịch theo tour	Ngày khách	154.375	202.153	480.054	1.375,30	1.687,10
Khách quốc tế	"	68.127	103.157	215.443	-	-
Khách trong nước	"	74.827	87.716	233.788	596,76	821,63
Khách Việt Nam đi du lịch nước ngoài	"	11.421	11.280	30.823	-	-

¹⁴ Chỉ tính cho khách ngủ qua đêm

22 Một số chỉ tiêu về lao động và việc làm

	Đơn vị tính	Quý I năm 2022	Quý IV năm 2022	Ước tính quý I năm 2023	Quý I/2023 so với cùng kỳ 2022 (%)	Quý I năm 2023 so với quý IV/2022 (%)
Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên	Người	621.515	655.017	638.437	102,72	97,47
<i>Phân theo khu vực</i>						
Thành thị	"	528.850	558.658	557.966	105,51	99,88
Nông thôn	"	92.665	96.359	80.471	86,84	83,51
<i>Phân theo giới tính</i>						
Nam	"	323.649	339.162	331.991	102,58	97,89
Nữ	"	297.866	315.855	306.446	102,88	97,02
Lao động 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế		593.717	645.113	626.755	105,56	97,15
<i>Phân theo khu vực</i>						
Thành thị	"	508.786	550.952	547.838	107,68	99,43
Nông thôn	"	84.931	94.161	78.917	92,92	83,81
<i>Phân theo giới tính</i>						
Nam	"	307.384	334.333	326.074	106,08	97,53
Nữ	"	286.333	310.780	300.681	105,01	96,75
Thu nhập của người lao động làm công hưởng lương	Nghìn đồng/người /tháng	7035	7351	8224	116,90	111,89
<i>Phân theo khu vực</i>						
Thành thị	"	7081	7484	8422	118,95	112,54
Nông thôn	"	6763	6638	6937	102,57	104,51
<i>Phân theo giới tính</i>						
Nam	"	7742	8018	8635	111,54	107,70
Nữ	"	6131	6539	7708	125,74	117,87
Tỷ lệ lực lượng lao động đã qua đào tạo		43,79	52,79	50,16		
<i>Phân theo khu vực</i>						
Thành thị	%	45,64	55,27	52,04		
Nông thôn	"	33,21	38,43	37,12		
<i>Phân theo giới tính</i>						
Nam	"	49,33	55,50	55,05		
Nữ	"	37,77	49,88	44,86		
Tỷ lệ lao động phi chính thức (bao gồm cả lao động trong hộ nông nghiệp)	"	52,93	51,72	48,48		
<i>Phân theo khu vực</i>						
Thành thị	"	51,78	51,70	47,71		
Nông thôn	"	59,85	51,84	53,79		
<i>Phân theo giới tính</i>						
Nam	"	52,41	54,43	50,03		
Nữ	"	53,50	48,80	46,80		

